

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 30

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 30 trong kinh).

Thứ tám: Chân Như Tướng Hội Hưởng.

Trong phần trường hàng, có hai: Trước là mở rộng trình bày; sau là kết luận chỉ rõ.

Trong phần trước cũng có hai: Một- Trình bày về Hạnh thuộc phần vị; Hai- Phân rõ về Quả thuộc phần vị.

Trong phần một cũng có ba: 1- Nhắc lại tên gọi để đưa ra phát khởi; 2- Dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích; 3- Dựa vào giải thích để kết luận tên gọi.

Phần 1: Nhắc lại tên gọi để đưa ra phát khởi: Thiện căn hợp với Như để thành tựu Hội hưởng, từ nơi dựa vào để thiết lập tên gọi, cho nên nghĩa bao gồm chủ động và thụ động.

Kinh Bốn Nghiệp nói: “Thường soi chiếu hai Đế thuộc Hữu-Vô, là một Hợp tướng của tất cả pháp.” Nếu trong bản tiếng Phạn, thì tên gọi đầy đủ là Chân Như Tướng Tự Tại Hội Hưởng, Tướng tức là Đức tướng, Tánh tức là Thể tánh. Bởi vì cả hai không phải là chính nó-không phải là tách rời (Phi tức-ly), cho nên cùng nêu lên, mà phần nhiều nói về Đức tướng. Bản dịch thời Đường chỉ một tên gọi, tức là dùng Pháp Giới Ấn làm Tánh. Ở đây khác nhau so với trước-sau, nghĩa là Hội hưởng thứ bảy trình bày về thông hiểu Sự hưởng về Lý cho nên nói là Bình đẳng, Hội hưởng này trình bày về Sự không còn thì Lý hiện rõ cho nên Hạnh giống với Như, Hội hưởng thứ chín trình bày thuận theo Thể khởi Dụng, Hội hưởng thứ mười trình bày về Dụng thuộc Đồng Thể, Đồng Thể mà Dụng. Còn lại như Hội hưởng thứ tư kết hợp giải thích.

Trong phần 2: Dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích, có ba: a- Trình bày về Hội hưởng Tùy tướng; b- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ thử thiện căn...” trở xuống là trình bày về Hội hưởng Ly tướng; c- Từ

“Phật tử, thử Bồ-tát Ma-ha-tát như thị hồi hương thời đắc nhất thiết...” trở xuống là trình bày về thành tựu lợi ích của Hồi hương.

Trong phần a phân hai mục: Trước là tích tập thiện căn để hồi hương; sau từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát nhược kiến...” trở xuống là tiếp xúc với cảnh mà hồi hương.

Trong mục trước cũng có hai: Một- Trình bày về Thể của Hạnh đã hồi hương; Hai- Từ “Bồ-tát nhĩ thời Tuệ nhân...” trở xuống là thấu nhiếp để hồi hương.

Trong mục một cũng có hai: 1- Tích tập tư lương; 2- Từ “Thành tựu vô lượng...” trở xuống là kết luận về đức thành tựu.

Mục 1, văn có mười câu: Đầu là một câu tổng quát; sau từ “Vị Chánh niệm kiên cố minh...” trở xuống là chín câu riêng biệt. Văn có ba mục:

Đầu là ba câu về Chánh niệm Bồ-đề: 1- Xa lìa mê hoặc là nghĩa về hiểu biết rõ ràng, ý chuyên chú vào tu hành tức là Chánh niệm; Chánh niệm là Định, hiểu biết rõ ràng là Tuệ, Định-Tuệ cùng vận dụng là nguồn gốc của Đạo. 2- Hợp với Lý bất động cho nên nói là tâm sâu xa, duyên không thể nào ngăn chặn thành tựu nghiệp bất hoại, tức là trú vững chắc trong Tự phần. 3- Cầu Phật không lui sụt, tức là trú vững chắc trong Thắng tiến.

Tiếp là bốn câu về Chánh niệm giáo hóa chúng sinh: Câu đầu là tổng quát về dũng mãnh mong cầu bao gồm cứu giúp. Từ “Vị Đại pháp cố...” trở xuống là ba câu riêng biệt: 1- Bi và Trí cùng vận dụng là hiểu biết rõ ràng, bởi vì Bát-nhã là nguồn gốc của mọi công đức; 2- Tiến thêm điều thiện loại bỏ phiến não là Chánh niệm; 3- Bi tăng thêm-Trí tròn vẹn là an trú vững chắc.

Sau là ba câu về Chánh niệm Tam Bảo: 1- Nghĩ đến Đức Phật; 2- Bảo vệ Chánh pháp; 3- Tin tưởng chúng Tăng. Trên là có Chánh niệm, câu dưới là kiên cố, phỏng theo tóm lược thấu nhiếp đầy đủ.

Mục 2 là kết luận về đức thành tựu, văn có bốn câu: Ba câu đầu là kết thúc phần trước, câu một là không phải chỉ có mười loại trên cho nên nói là Vô lượng, câu hai-ba là thu nhận tất cả không ra ngoài Phước-Trí và Đại Bi. Câu cuối là sinh khởi phần sau nói về Hồi hương.

Trong mục hai là thấu nhiếp để hồi hương, có hai: 1- Quán sát thiện căn vốn có mà mong mỏi hồi hương; 2- Từ “Dĩ chư thiện căn...” trở xuống là chính thức trình bày về hồi hương.

Mục 1, có ba: a- Tổng quát nêu lên; b- Từ “Kỳ chư thiện...” trở xuống là riêng biệt hiển bày; c- Từ “Như thị...” trở xuống là tổng quát

kết luận.

Trong mục c có hai tiết: Trước là kết luận về chủng loại nhiều môn có mười câu, nghĩa là tùy theo những duyên mong cầu trước đây có nhiều sai biệt: 1- Bởi vì nối thông qua lại không phải là một, cho nên hướng đến tiến vào như nhau, là Dụng thuộc môn Hữu, là Dụng thuộc môn Không, cho đến vô lượng, vì vậy Đồng nữ Từ Hạnh nói: “Chư Phật đều dùng môn khác nhau khiến cho con tiến vào môn Phổ Trang Nghiêm này.” 2- Tùy theo một môn ấy duyên vào đâu làm cảnh, là Phật hay là Pháp... 3- Tùy theo tướng mạo không giống nhau trong một cảnh. 4- Sự việc làm chỗ dựa của tướng, gọi là Sắc-Tâm... 5- Tùy theo có nhiều phần vị trong một sự việc. 6- Vạn hạnh như bố thí... 7- Tên gọi chủ động giải thích. 8- Phân biệt để quyết định lựa chọn. 9- Phát sinh nhiều tri kiến. 10- Hoặc là Định hay là Tuệ, Thượng-Trung-Hạ đều tu tập. Sau từ “Kỳ trung...” trở xuống là kết luận về ý định vốn có của sự tu tập, ý định vốn có đã như vậy thì lẽ nào không hồi hướng?

Mục 2 là chính thức trình bày về hồi hướng, phân hai: a- Hồi hướng Bồ-đề; b- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát như vi kỷ thân...” trở xuống là hồi hướng Chúng sinh.

Trong mục a có hai mươi Nguyện, phân ba:

Một: Có mười Nguyện, nguyện thành tựu Hạnh thuộc Trí, tức là nhân quả của Bồ-đề.

Hai: Từ “Đắc Tam-muội...” trở xuống có bốn Nguyện, nguyện làm lợi ích cho chúng sinh khắp nơi, tức là nhân quả của Dụng hóa độ: 1- Làm chỗ dựa cho sự giáo hóa; 2- Thời gian và nơi chốn giáo hóa; 3- Nhận biết về thuốc chữa trị; 4- Hiểu biết thích hợp về căn bệnh.

Ba: Từ “Đắc tự tại...” trở xuống có sáu Nguyện, nguyện trang nghiêm tất cả quốc độ chư Phật, tức là nhân quả của Tịnh độ: 1- Trí thuộc Thần thông trang nghiêm Tịnh độ về Sự; 2- Trí tiến vào Lý trang nghiêm Tịnh độ về Pháp tánh, cũng không phải trang nghiêm mà trang nghiêm; 3- Trí thuộc Sự-Lý vô ngại trang nghiêm Tịnh độ trùng trùng vô tận (Đế võng); 4- Bởi vì ba sự trang nghiêm trước đây là Dụng hóa độ chúng sinh. Bốn Nguyện trước là nhân tròn vẹn, hai Nguyện sau là quả đầy đủ.

Mục b là hồi hướng Chúng sinh, vẫn có ba:

Một: Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, tức là từ phần sau trở lại nhắc về ba mục trước đây.

Hai: Từ “Sở vị...” trở xuống là chính thức hiển bày về hồi hướng, vẫn có tám câu: Đầu là hai câu Nguyện lìa xa ba chướng, nói đến chướng

ngại là nghĩa bao gồm phiền não; tiếp là bốn câu về thành tựu bốn Trí; sau là hai câu kết luận về hai quả, nghĩa là Bồ-đề và Niết-bàn, Bồ-đề không chỉ có bốn Trí cho nên nói là Vô lượng.

Ba: Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về những việc đã làm.

Mục sau là tiếp xúc với cảnh mà hồi hướng, trên đại thể giống với phần Đối cảnh phát nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh, trong đó có năm: Một- Nêu ra cảnh đã nhìn thấy; Hai- Từ “Kiến thị sự...” trở xuống là nhìn thấy cảnh mà thành tựu đức, nghĩa là tăng thêm Bi-Trí; Ba- Từ “Dĩ Phật thiện căn...” trở xuống là tổng quát trình bày về hồi hướng, cũng là đức của hồi hướng; Bốn- Từ “Bồ-tát nhĩ thời...” trở xuống là riêng biệt trình bày về hồi hướng; Năm- Từ “Phật tử...” trở xuống là thành tựu lợi ích của hồi hướng.

Ba mục trước, có thể biết.

Trong mục bốn: Đầu là câu tổng quát nêu lên, nêu lên sắp nói về riêng biệt. Trong phần Khởi Hạnh trước đây nói: Dùng các thiện căn làm phương tiện hồi hướng. Chưa biết rõ tướng của hồi hướng ấy như thế nào? Cho nên nói là lúc bấy giờ hồi hướng như vậy. Sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày. Hiển bày về chữ Như Thị, có ba mươi mốt Nguyện đều nói: Khiến cho đạt được điều đáng yêu thích, là bởi vì thấy cảnh đáng yêu thích, cho nên khởi lên niệm thiện đáng yêu thích, nguyện thành tựu về đức đáng yêu thích.

Giải thích về các Nguyện này gồm chung có hai ý: Ý một-Theo chiều ngang (không gian) đối với cảnh trên đây mà phát nguyện Đăng lưu; ý hai-Theo chiều dọc (thời gian) phối hợp với phần vị của Địa để làm sáng tỏ về Nguyện tổng quát, tổng quát là hề thấy một cảnh thì lập tức phát khởi nhiều Nguyện, bởi vì đầy đủ nhân quả.

Ý một: Theo chiều ngang đối với cảnh, đầu là mười Nguyện hướng về quốc độ nói trên: 1- Nếu thấy quốc độ, thì nên nguyện cho chúng sinh thấy được quốc độ về Pháp tánh; 2- Vật dụng cúng dường của quốc độ; 3- Nói thông với Tịnh độ Thọ dụng-Biến hóa. Còn lại đều là sự việc trong quốc độ, có thể dùng ý hiểu được. Đối với một cảnh này phát khởi mười Nguyện, là dùng một ví dụ cho nhiều, đều thuận theo có nhiều, không cần phải nhiều văn, về sau dần dần thuận theo lược bớt.

Tiếp từ “Đắc vô úy...” trở xuống có ba Nguyện hướng về vườn rừng trên đây, vốn là rừng pháp Vô lậu không có gì sợ hãi, Tổng trì Tam-muội vốn là vườn hoa cảnh.

Tiếp là một Nguyện hướng về cỏ cây trên đây, khéo léo quán

sát về năm Thừa, vốn là Trí sai biệt về ba cỏ-hai cây (Tam thảo-Nhi mộc).

Tiếp là ba Nguyện hưởng về hoa, các pháp thần thông... như hoa nở tròn, phát huy thông suốt ở giữa mọi người đều vốn là hoa nở rộ. Một loại quả để lại trình bày ở phần sau.

Từ “Phát Đại Bi...” trở xuống là dùng một Nguyện để hưởng về một cảnh, nghĩa là: Đại Bi xông ướp trong tâm để hưởng về hưởng nói trên. Khiến cho căn cơ vui mừng, giống như y phục trên người. Sinh trong nhà của Như Lai, có được một phần châu báu. Dùng Hạnh điều phục làm tài vật của bậc Thánh. Biện thuyết vô ngại làm vật dụng trang nghiêm. Thế giới đáng ưa thích, giống như ở thôn xóm. Tổ ngộ tiến vào nhiều môn, giống như thành ấp ấy. Không có ngăn ngại-không có lúc đầu, giống như làng mạc ấy. Hoàn toàn không có hai, giống như đất nước không có hai vị vua. Chứng đến phạm vi lìa xa đục mới được tự tại, không có pháp hý luận là lìa xa ồn ào tạp loạn.

Ba câu sau tức là hưởng về quả trước đây.

Ý hai: Theo chiều dọc phối hợp với phần vị của Địa, văn phân làm hai tiết: Trước là hiển bày về nhân tròn vẹn; sau là ba quả đầy đủ.

Trong tiết trước phân ba:

Một: Bảy Nguyện về chưa tiến vào pháp thì khiến cho có thể tiến vào pháp, tức là Địa tiền: 1- Lúc mới phát tâm thấy Lý giống như Phật; 2- Thực hành pháp cúng dường. Hai Nguyện này là Thập Tín. 3- Sinh ở trước chư Phật; 4- Hiểu rõ tâm thấy được pháp. Hai Nguyện này là Thập Trụ. 5- Thực hành như đã nói, tức là Thập Hạnh. 6- Cùng với Thiện hữu gặp nhau; 7- Tiếp xúc với cảnh không có trái ngược. Hai Nguyện này là Thập Hồi Hưởng.

Hai: Từ “Chứng đắc...” trở xuống có mười bảy Nguyện, đã tiến vào pháp thì khiến cho có thể tiến vào Địa:

Đầu là ba Nguyện về Địa thứ nhất, một là chứng được Lý của Như, hai là đạt được ánh sáng của giáo pháp, ba là thành tựu về Hạnh bố thí.

Tiếp là một Nguyện về Hạnh của Địa thứ hai, không lo lắng phạm vào sai lầm cho nên không có gì sợ hãi, Ái ngữ lại nhiều cho nên có thể thuyết pháp.

Tiếp là hai Nguyện về Hạnh của Địa thứ ba, luyện tập các Thiền định bởi vì mong cầu Đa văn.

Tiếp là ba Nguyện, như thứ tự ba Địa, đó là Diệm Tuệ quán sát về Đạo phẩm, Nan Thắng đầy đủ Thần thông, Hiện Tiền đi sâu vào

Bát-nhã.

Tiếp từ “Phương tiện...” trở xuống là hai Nguyện về Hạnh của Địa thứ bảy, nghĩa là bởi vì phương tiện lại nhiều, tuy khéo léo tu tập về Không-Vô tướng, mà Từ Bi không rời bỏ chúng sinh, cho nên nói là Đại Bi bình đẳng.

Tiếp là hai Nguyện về Hạnh của Địa thứ tám, nghĩa là chư Phật khuyến khích phát khởi Đại tâm về Lợi tha, hiện rõ trước mắt không gián đoạn cho nên luôn luôn vui vẻ, đạt được Vô sinh Nhẫn mà chân thật sinh vào nhà của chư Phật.

Tiếp là hai Nguyện về Hạnh của Địa thứ chín, khéo léo nhận biết về rừng rậm phiền não cho nên có thể điều phục, đầy đủ bốn Vô ngại biện cho nên khéo léo thuyết pháp.

Tiếp là hai Nguyện về Hạnh của Địa thứ mười, đạt được Trí tiến vào kiếp, tiến vào vi trần thế giới..., làm lợi ích an vui rộng khắp, cho nên có thể tiếp nhận làn mưa Đại pháp của Như Lai.

Ba: Có bốn Nguyện, đã tiến vào Địa thì thành tựu phần vị Phổ Hiền: 1- Trong tất cả các cảnh có thể nhìn thấy không có gì ngăn ngại, bởi vì hiểu rõ nguồn gốc của pháp xưa nay không có; 2- Đạt được trú không hai, bởi vì đoạn trừ hai chướng; 3- Trú trong phạm vi chân thật, bởi vì giống với Như Lai; 4- Đạt được Nhẫn tịch diệt, bởi vì không có hý luận.

Tiếp sau là ba Nguyện trình bày về quả đầy đủ, tức là ba Đức: 1- Trí Kim Cang mà làm chủ động đoạn trừ; 2- Lìa xa hai chướng ngại mà làm thụ động đoạn trừ. Hai loại này là đạo Vô gián. 3- Đạo Giải thoát, chứng minh thành tựu về Trí xuất hiện rộng khắp pháp giới, dùng để giải thích về hai đức trước, ý nghĩa trong văn có chứng cứ, thứ tự không có gì sai biệt, là sự giảng giải khéo léo của Kim Cang Tràng, chứ không phải là sự giải thích rất gượng gạo của người nói.

Trong mục năm là thành tựu lợi ích của hồi hướng: Trước là trình bày về thời gian đạt được; sau từ “Đắc Trí...” trở xuống là chính thức hiển bày có mười câu, thấu nhiếp làm năm cặp: 1- Dùng nhân để cảm đến duyên, do Trí bên trong sáng tỏ, bên ngoài làm bạn để thấu nhiếp. 2- Dùng duyên để cảm đến nhân, bên ngoài được Tuệ soi chiếu, bên trong diệt trừ ngu si tăm tối, đây là lợi ích về trừ bỏ chướng ngại. 3- Nhờ chịu khó tu tập mà tiến vào nghiệp thuộc ba Tuệ, đây là trình bày về lợi ích về tu học. 4- Hưởng lên trên học theo Chứng Trí, thiện nghiệp của mình rộng khắp mọi nơi, đây là lợi ích về chứng nhập. 5- Tận cùng nguồn gốc của phước thiện, tiến vào biển của Thật Trí, đây là thành tựu

lợi ích về hai loại trang nghiêm, tức là căn bản của Hồi hướng Thật tế, dùng Trí để tiến vào đến cùng.

Phần b là trình bày về Hồi hướng Ly tướng, tức là Hồi hướng Thật tế. Hồi hướng này so với các Hồi hướng trước đây chỉ khác nhau ở chi tiết. Trước thì phần nhiều thâm nhiếp Tướng quy về Tánh, ít có dựa vào Tánh dấy khởi Tướng; nay ở đây hiển bày nhiều về Tánh-Tướng vô ngại, bởi vì là Tướng của Như. Văn nêu lên ở các Hồi hướng trước kia, đều theo thời gian của Tùy tướng trước đây; nay không cần phải hướng về trước mà thành tựu vô ngại, cho nên không có chữ Thời. Văn phân làm hai: Trước là thẳng thắn trình bày về Hồi hướng; sau từ “Thí như...” trở xuống là hướng về Như để mở rộng phân rõ.

Mục trước phân hai: Một- Hạnh thuận với Như; Hai- Từ “Ư chư Phật pháp...” trở xuống là lợi ích thuận với Như.

Trong mục một cũng có hai: 1- Dựa theo tâm để trình bày là Chỉ- Quán cùng vận dụng, không đắm theo có-không có; 2- Từ “Tuy thiện...” trở xuống là riêng biệt dựa theo Hạnh để trình bày là Quyền-Thật cùng thực hành, không trái với tánh-tướng.

Mục 1 lại có hai: a- Chỉ vắng lặng những chấp thủ hư vọng mà không trái với Thể-Dụng; b- Từ “Đẳng quán...” trở xuống là quán sát thông hiểu về Không-Hữu, Tín-Trí cùng tròn vẹn.

Trong mục a: Đầu là hai câu nêu lên. Tiếp từ “Kỳ tâm...” trở xuống là hai câu giải thích, câu trước là bởi vì không có thụ động chấp thủ, câu là bởi vì lìa xa chủ động chấp thủ. Tiếp từ “Bất xả...” trở xuống là trình bày về không trái với điều đó: 1- Không trái với nhân; 2- Không trái với pháp; 3- Không trái với quả. Sở dĩ không trái ngược là bởi vì không đắm theo không có.

Trong mục b: Đầu là quán sát về Chân Không; tiếp từ “Thiện thuận...” trở xuống là quán sát về Diệu Hữu.

Trong mục 2 là Quyền-Thật cùng thực hành: Đầu là câu về lập Tông, dùng Vô ngại làm Tông. Tiếp là câu về Đồng Dụ, bởi vì như huyền thì Tướng có mà Thể trống rỗng. Sau từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là kết hợp và đưa ra nguyên nhân: 1- Bởi vì pháp không có tánh. 2- Từ “Quán nhất thiết...” trở xuống là quán sát mà không có vướng mắc. Hai loại trên thuận theo Như thuộc về Không. 3- Từ “Tri như thật...” trở xuống là nhận biết về Thật như nhau, là thuận theo Như thuộc về Bất Không. 4- Từ “Tri chư pháp...” trở xuống là kết luận về thành tựu không có trái ngược. 5- Từ “Dữ chư...” trở xuống là kết luận về thành tựu những việc đã làm, nghĩa là có thể theo chiều ngang tiến

vào một Đạo, theo chiều dọc tiến vào một Môn.

Trong mục hai là lợi ích thuận với Như, có mười câu-năm cặp, khiến cho bốn tâm càng vững chắc: Một- Trên thì yên định với pháp sâu xa, dưới thì làm cho chúng sinh thanh tịnh, tức là tâm rộng lớn. Hai- Không sinh khởi hai Ngã, kiến chấp của thế gian từ đây bật dứt, tức là tâm không điên đảo. Ba- Đối với cảnh không có nhiễm đấm, chịu khó tu pháp xuất thế gian. Bốn- Không dựa vào thế gian, chỉ vững chắc về Chánh đạo. Hai cặp trên tức là tâm bậc nhất, bởi vì Niết-bàn Vô trú là bậc nhất. Năm- Kiến chấp hư vọng từ đây vắng lặng, hiểu rõ giống với Thật Thể ngay nơi tâm bình thường, bởi vì bình thường không rời bỏ là Đồng Thể Bi.

Mục sau là hướng về Như để mở rộng phân rõ phát sinh Hồi hướng Như Tướng, văn của mục này sơ lược phân biệt theo năm môn.

Một: Giải thích tên gọi: Chân nghĩa là chân thật, hiển bày về không phải là hư vọng; Như nghĩa là như thường, biểu thị về không có biến dịch. Đây là theo Pháp Tướng Tông. Nếu là Pháp Tánh Tông thì nói: “Bất biến là Chân, Thuận duyên là Như, bởi vì Bất biến cho nên cùng với pháp hữu vi có nghĩa không phải là một, bởi vì Thuận duyên cho nên cùng với pháp hữu vi có nghĩa không phải là khác.”

Nhưng luận Khởi Tín nói: “Không có loại bỏ gọi là Chân, không có thiết lập gọi là Như, chỉ dựa vào giải thích để ngăn chặn (Già thuyên) mà lập tức làm sáng tỏ về Chân lý.”

Hai: Trình bày về chủng loại:

Hoặc là chỉ có một Vị, không có gì sai biệt.

Hoặc là phân làm hai, tức là Chân Như thuộc về Sinh Không và Chân Như thuộc về Pháp Không. Lại hai loại là An lập-Phi an lập. Lại hai loại là Không-Bất không. Đều như bình thường giải thích.

Hoặc là phân làm ba, dựa theo ba tánh để phân rõ như luận Du Già...

Hoặc là phân làm bảy, đó là: 1- Chân Như thuộc về Lưu chuyển, tức là Thật tánh lưu chuyển của các hành; 2- Chân Như thuộc về Thật tướng, tức là tư duy về tánh của các pháp không có hai Ngã. 3- Chân Như thuộc về Duy thức, tức là tánh của Duy thức. 4- Chân Như thuộc về An lập. 5- Chân Như thuộc về Tà hạnh. 6- Chân Như thuộc về Thanh tịnh. 7- Chân Như thuộc về Chánh hạnh.

Bốn loại trên tức là như thứ tự Thể tánh của Tứ Đế, như luận Hiển Dương trình bày.

Hoặc là phân làm mười, đến phẩm Thập Địa sẽ trình bày.

Hoặc có một trăm môn, mười-mười vô tận, như kinh này phân rõ, bởi vì đã nêu ra trên đây đều là một nghĩa trong đó, giả sử nói bao gồm tất cả pháp thì cũng một nghĩa mà thôi.

Ba: Phân rõ về Đức Dụng: 1- Thành tựu về Dụng của nương tựa-duy trì, mà làm chỗ dựa cho tất cả pháp, đây là chủ động duy trì (Năng trì); 2- Thành tựu về cảnh quán sát, nghĩa là làm cảnh quán sát mà Hiền Thánh chứng được, cũng là một đức của trăm môn mà thôi.

Luận Khởi Tín nói có ba Đại: “1- Thể Đại, nghĩa là bởi vì Chân Như bình đẳng không tăng-không giảm; 2- Tướng Đại, nghĩa là bởi vì đầy đủ vô lượng tánh công đức; 3- Dụng Đại, bởi vì có thể sinh ra tất cả nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian.”

Nhưng luận ấy dựa vào tâm mà nói về ba Đại, Chân Như chính là một trong ba Đại ấy, dùng một bao gồm hai, hai đều thuộc về Như. Nhưng trái với Chân gọi là Ác, hợp với Như là Diệt, thuận với Chân gọi là Thiện, xứng với Như là Đại. Dựa theo nghĩa thuận với thiện, cho nên nói Như là nhân của thiện. Nhưng trái-thuận tuy khác nhau, mà lia xa Như thì không có gì có thể trái-thuận, cho nên ác cũng dùng Như làm Thể. Nếu thông hiểu kinh này, thì trong một trăm môn, hoặc là Thể, hoặc là Tướng, hoặc là Dụng, hoặc là bao gồm Thật, thì mỗi một môn đều bao gồm Thể..., cho nên làm một trăm môn dung thông Lý-Sự, khiến cho trùng trùng vô tận giống như lưới giăng của Đế Thích (Đế võng).

Bốn: Dựa theo Giáo không giống nhau, có thể dựa theo suy nghĩ.

Năm: Giải thích văn. Nhưng một trăm môn này, xưa giải thích không phải là một.

Pháp sư Anh lấy mười-mười phân ra, như thứ tự phối hợp với Như ở trong mười phần vị: 1- Phần vị Hiền Thủ; 2- Thập Trụ; 3- Thập Hạnh; 4- Thập Hồi Hưởng; 5- Tịnh Tâm Địa; 6- Hành Tích Địa; 7- Quyết Định Địa; 8- Cứu Cánh Địa; 9- Đẳng Giác Địa; 10- Phật Địa.

Lại có các Đức đều phân ra mười môn, Hiền Thủ nhập lại đều không thích hợp.

Viễn Công phân làm ba: Mười câu đầu phối hợp với Địa tiền, tám mươi tám câu tiếp phối hợp với Địa thượng; hai câu sau là Như trong Phật Địa.

Lý đều khó thông suốt, Phật Địa vì sao không có đức của Như trước đây? Nếu môn thứ hai lấy Chân Như làm tánh, thì vì sao không có thể nối thông với các phần vị? Nếu chọn lấy đức tùy theo phần vị để thiết lập tên gọi của Như, giống như mười Như của Thập Địa, thì Lý có

thể thông suốt, nhưng lại không nêu ra Tướng ấy.

Thật ra thì đức của một trăm môn nhất định phải xuyên suốt như nhau, thì đức của Như chủ động lẽ nào không có tướng khác nhau? Tướng khác nhau khó thấy được, tạm thời thuận theo không phân ra mà phân ra, cho nên cũng không có gì sai lầm.

Câu cuối nói rằng: Thanh tịnh cứu cánh, nghĩa giống như quả.

Nay lại phân định dựa theo mười-mười, để phối hợp với mười Như của Thập Địa:

1) Địa thứ nhất có khắp tất cả và dùng Vô tướng làm tướng..., tức là nghĩa của Chân Như biến mãn.

2) Trong Địa thứ hai, không có gì có thể suy lường, không có gì so sánh, tức là nghĩa về thù thắng nhất (Tối thắng).

3) Trong Địa thứ ba, đối với pháp không có ngăn ngại, làm ánh mắt pháp cho mọi người, tức là nghĩa về phẩm loại thù thắng (Thắng lưu).

4) Trong Địa thứ tư, không có đấm trước, không có dừng lại..., tức là nghĩa về không có thâu nhiếp tiếp nhận.

5) Trong Địa thứ năm, hoàn toàn không có tận cùng, không có biến dịch, tức là nghĩa về chủng loại không có sai khác.

6) Trong Địa thứ sáu, không có gì phân biệt, Thể tánh vô sinh, tức là nghĩa về không có nhiễm-tịnh.

7) Trong Địa thứ bảy, không nơi nào không tồn tại, trú vào pháp có-không có, tức là nghĩa về pháp không có sai khác.

8) Trong Địa thứ tám, Thể tánh thanh tịnh, Thể tánh bình đẳng, tức là nghĩa về không tăng-không giảm.

9) Trong Địa thứ chín, có khắp tất cả các pháp là cảnh giới của Phật, tức là nghĩa về Trí tự tại.

10) Trong Địa thứ mười, trú trong tất cả các Địa, thành tựu giống như tất cả chư Phật Bồ-tát, tức là nghĩa về Nghiệp tự tại.

Trong đó, nghĩa còn lại có thể tương tự chọn lấy, tùy theo Địa riêng biệt hiển bày. Chỉ nói về mười Như, một đầy đủ tất cả, mười-mười thành một trăm, bởi vì muốn hiển bày về đức của Như là vô lượng vô biên. Địa tiền tu tập tất cả, Đẳng giác khắp nơi như nhau, Như Lai chứng đến tận cùng, chỉ khác nhau là thuận theo nghĩa riêng biệt, Thể vốn thường dung thông. Nhưng phù hợp như nhau thì tự nhiên hàm chứa các đức, không phải là do tác ý thuận theo Như sai biệt. Có thể nối thông với Hồi hướng, cũng dung hòa thâu nhiếp vô ngại, gọi là Như khởi Hạnh, Thể tức là Như. Nhưng người tin vào đức của Như hãy còn

mê mờ về Hồi hương, cho nên dùng đức của Như dụ cho đức của Hồi hương. Nếu chọn lấy nghĩa thích hợp với văn, thì nên nói là Thể Tướng của Chân Như có khắp tất cả mọi nơi; thiện căn Hồi hương, bởi vì giống với Như, cho nên cũng có khắp tất cả, không có gì giới hạn... Vả lại, có khắp tất cả thì mới có thể giống với Như.

Trong một trăm môn đều có hai câu: Câu trước tức là đức thụ động giống nhau của Như, câu từ “Thiện căn...” trở xuống là đức chủ động giống nhau của Hồi hương.

Trong mười môn đầu tiên:

Môn 1- Hiển bày ở trong duyên, cho nên có khắp tất cả.

Môn 2- Trình bày về Bất biến, cho nên nói là chân thật.

Môn 3- Trình bày về Tùy duyên tức là Bất biến, cho nên nói là luôn luôn giữ lấy tánh vốn có.

Môn 4- Chỉ rõ về tánh ấy.

Môn 5- Chỉ rõ về tướng ấy. Năm môn này luôn luôn dựa vào Như để phân rõ.

Môn 6-7 là hương về Trí để nói bởi vì làm cảnh của Trí.

Môn 8- Hiển bày về Chân Như không phải là cảnh làm cảnh, nghĩa là cần phải quên cảnh mới hợp với cảnh của Như, bởi vì tánh vốn có của Như không phải là an lập.

Môn 9- Tức là Như thuộc về an lập.

Môn 10- Tức là nghĩa thường của Như.

Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ, tùy theo chỗ khó sẽ giải thích.

Môn 12- Nói đầy khắp tất cả, nghĩa là hoặc sắc-hoặc tâm, hoặc lớn-nhỏ, cực vi hay là sát-na, cũng đều viên mãn, không phải là đầy đủ từng phần, bởi vì Như không thể phân ra, phân ra thì nhiều sai lầm. Chính là do nghĩa này, cho đến bốn mươi môn sau không lìa xa các pháp, bởi vì các pháp tùy theo Như có khắp trong một mảy trần, cho nên sau trong quả đạt được môn này, một mảy lông có thể tiếp nhận tất cả các quốc độ.

Môn 14- Nói không có so sánh, bởi vì pháp tánh không hoàn toàn Chân.

Môn 15- 16 đều là bất hoại, bởi vì phiền não của con người không giống nhau.

Môn 17- Vắng lặng mà thường soi chiếu, bởi vì Trí tức là Dụng của Như.

Môn 22- Đã dùng soi chiếu sáng tỏ làm Thể, thì sao không có mắt nhìn theo chăm chú? Lại bởi vì thấy Như mà thành tựu Pháp nhãn, cho

nên kinh Đại Bát Nhã nói: “Ba đời chư Phật đều dùng tánh Không mà làm Phật nhãn.”

Môn 30- Nói không có căn bản, bởi vì trước đây không có chỗ dựa, chính là không có nguồn gốc trú vào.

Môn 37- Nói an trú, bởi vì không có nơi trú vào, mà an trú chân thật.

Môn 41- Hoàn toàn không có tận cùng, tuy thuộc về các pháp, mà các pháp tận cùng nhưng Thể thường còn. Lại đang ở trong pháp mà chọn lấy không thể tận cùng, bởi vì như khoảng trống của hạt cải.

Môn 51- Tánh thường giác ngộ, bởi vì bên trong có thể huân tập mà phát khởi chán ngán-mong cầu.

Môn 52- Không thể thay đổi hư hoại, bởi vì ở nơi sinh tử cấu nhiễm mà không cấu nhiễm.

Môn 53- Tức là nghĩa về ánh sáng chói lòa của Đại Trí soi chiếu khắp nơi pháp giới.

Môn 54- Chân Như lìa xa ngôn từ.

Môn 61- Không nơi nào không tồn tại, trước đây có khắp tất cả, tức là không có giới hạn; nay tùy theo mỗi một pháp đều hoàn toàn ở trong đó.

Môn 62- Thuộc về ngày đêm cho đến tận cùng vị lai, bởi vì một niệm hay là kiếp dài, tất cả đều thu vào Như, tất cả đều dựa vào Như, cho nên đạt được Niệm-Kiếp thu vào lẫn nhau-hòa vào lẫn nhau.

Môn 70- Trú vào có-không có, bởi vì Lý không có chấp trước mê hoặc, cho nên có-không có luôn luôn là thật.

Môn 72- Tánh giác là sáng ngời, lìa niệm là trong sạch.

Môn 89- Không phải là có thể tu, bởi vì không có gì đạt được; không phải là có thể tu, bởi vì là cảnh giới của bậc Thánh.

Môn 95- Rời bỏ các phiền não, dựa theo bản tiếng Phạn nói là Ana Tát-la-phước, Trung Hoa nói là Vô lậu, nay nói rời bỏ là bởi vì tánh vốn rời bỏ, giống như Thể của tâm là lìa xa niệm.

Môn 96- Nói không có một pháp nào mà có thể hủy hoại rối loạn khiến cho phần ít tâm ấy không phải là giác ngộ, Như có khắp thì Phi tình có phần ít không phải là giác ngộ.

Ví như kinh nói: “Phật tánh trừ ra gạch đá.” Luận nói: “Ở trong số thuộc Phi tình gọi là pháp tánh, ở trong số thuộc Hữu tình gọi là Phật tánh, cho nên biết rõ ràng Phi tình không phải là có tánh giác ngộ.” Nên giải thích rằng: Dùng tánh thuận theo duyên thì hữu tình-vô tình khác nhau là tánh cũng khác nhau, như Niết-bàn... phai mờ duyên thuận theo

tánh thì không phải là Giác hay không Giác, căn bản là bất dứt trăm lỗi-ngôn từ không còn bốn câu phân biệt, nếu hai tánh dung thông lẫn nhau thì không có gì không phải là giác ngộ. Luận Khởi Tín nói: “Bởi vì tánh của Sắc tức là tánh của Trí, cho nên gọi là Trí thân; bởi vì tánh của Trí tức là tánh của Sắc, cho nên gọi là Pháp thân có khắp tất cả mọi nơi.”

Luận nói: Bồ-đề và Đoạn của Bồ-đề cùng gọi là Bồ-đề, nói Trí và Xứ của Trí cùng gọi là Bát-nhã. Cũng có thể chứng minh điều này, bởi vì tướng của hai tánh đã tức là duyên, lại tức là tánh, cho nên không có phần ít nào không phải là giác ngộ, hướng hồ tâm là tướng tổng quát, lại dung hòa thấu nhiếp trùng trùng hay sao?

Môn 97- Nói quá khứ không phải là bắt đầu, bởi vì thời gian đầu của quá khứ cho nên gọi là bắt đầu, vị lai là cuối cùng cho nên gọi là chưa đến, hiện tại tựa như có mà phân ra quá khứ-vị lai, không có lúc nào tạm thời dừng lại cho nên gọi là khác nhau. Nay trình bày về Chân Như, tuy có khắp trong ba đời, mà Thể bất dứt tướng đầu-giữa-sau của ba đời, cho nên đều nói là không phải. Hồi hướng cũng như vậy, tuy vì chúng sinh mà luôn luôn khởi lên Nguyên mới, giống với Chân Như ấy có khắp trong ba đời, nhưng khiến cho vĩnh viễn lìa xa tướng sinh tử của ba đời, mới gọi là thanh tịnh. Nhưng bản kinh thời Tấn nói: “Quá khứ không phải giống nhau, vị lai không phải vốn có, hiện tại không phải khác nhau.” Nếu dùng văn này để hợp lại chọn lấy, thì không phải giống với bắt đầu của quá khứ, tuy ở vị lai mà không phải là tánh căn bản vốn có. Vả lại, bản kinh thời Tấn nhầm lẫn đem môn sau cuối là ba đời không có phân biệt, cùng đưa vào môn này, khiến cho số trăm thiếu đi một mà phát sinh nhiều cách giải thích khác nhau, bởi vì rất nhiều cho nên không nói đến điều đó.

Nói ba đời không có phân biệt, thì trước đây dựa theo giải thích để ngăn chặn về ba đời không giống nhau, nay dựa theo giải thích để hiển bày (Hiển thuyết) về luôn luôn không có phân biệt, bởi vì ý nghĩa tương tự cho nên bản kinh thời Tấn hợp lại mà thôi. Vả lại, trên đây nói ba đời không giống nhau là tổng quát hiển bày về không phải (Phi), nay nói không có phân biệt là cũng trình bày về không phải, mà tánh-tướng dung thông lẫn nhau luôn luôn là mới-luôn luôn là cũ, mới-cũ cùng bất dứt rồi.

Phần c là trình bày về thành tựu lợi ích của Hồi hướng, và Phần 3 là dựa vào giải thích để kết luận tên gọi, đều hiển bày rõ ràng có thể biết.

Phần hai: Từ “Bồ-tát trú thử...” trở xuống là trình bày về Quả thuộc

phần vị: 1- Nhắc lại về nhân đạt được. 2- Từ “Chứng đắc...” trở xuống là chính thức hiển bày về pháp đã đạt được, văn có mười câu: Đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt. Đầu nói là Vô lượng, bởi vì giống với Như cho nên rộng lớn vô tận. Đầu nói là đạt được như chư Phật, bởi vì giống với pháp đã chứng của chư Phật, mà thực hành Phật sự.

Phần sau: Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát để kết luận nêu ra.

Phần ứng tụng có hai mươi chín kệ, phân bốn:

Một: Có sáu kệ, tụng về phần Hồi hướng Tùy tướng, trong đó: Trước là hai kệ, tụng về Thể của Hạnh đã hồi hướng; sau là bốn kệ, tụng về Hạnh của hồi hướng.

Hai: Có mười sáu kệ, tụng về phần Hồi hướng Ly tướng, trong đó: Trước là chín kệ, tụng về phần hướng đến Như mở rộng phân rõ; sau là bảy kệ, trở lại tụng về phần dựa theo pháp thẳng thắn trình bày về Bồ-tát an trú là không thể nghĩ bàn..., nên khéo léo suy nghĩ.

Ba: Từ “Bỉ chư Phật tử...” trở xuống có sáu kệ, tụng về phần thành tựu lợi ích của Hồi hướng.

Bốn: Một kệ cuối cùng kết luận về Hồi hướng, ý nghĩa đều có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 31 trong kinh).

Thứ chín: Vô Trước Vô Phược Giải Thoát Hồi Hướng.

Trong phần trường hàng, có hai: Trước là trình bày về Hạnh thuộc phần vị; sau là hiển bày về Quả thuộc phần vị.

Trong phần trước cũng có ba: Một- Nhắc lại tên gọi để đưa ra phát khởi; Hai- Dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích; Ba- Dựa vào giải thích để kết luận tên gọi.

Phần một: Nhắc lại tên gọi để đưa ra phát khởi, nghĩa là Lý-Trí không có gì nương tựa, không bị phiền não của chủ động-thụ động thấy đấm theo tướng làm cho ràng buộc, vì vậy gọi là Giải Thoát. Đây là dựa theo Thể của Hạnh để giải thích.

Vì vậy, kinh Bốn Nghiệp nói: “Bởi vì các pháp không hai, Bát-nhã không sinh, hai Đế bình đẳng, ba đời là một Hợp tướng.”

Lại giải thoát, cũng là tác dụng tự tại không thể nghĩ bàn của Như... Đây là dựa theo Dụng của Hạnh. Bởi vì thâm nhiếp thiện căn đều dùng để hồi hướng về Đức Dụng tự tại vô biên thuộc ba nghiệp của Phổ Hiền.

Không có ràng buộc đấm theo đối với điều gì? Nghĩa là mười loại tâm... Bởi vì tự thân có nghiệp quả của tâm-thân-khẩu, và Phật sự

đã làm, cho nên có Trí về pháp-chúng sinh-Phật sát-thế giới... Không bị những điều gì làm cho ràng buộc đấm theo? Tóm lược như trên giải thích.

Riêng biệt có mười sự-năm cặp: 1- Bởi vì lìa xa phàm phu cho nên sinh tử không ràng buộc, bởi vì ra khỏi Tiểu thừa cho nên không đấm theo Nhị thừa. 2- Lìa xa sự giữ lấy của sáu Thức cho nên ngoại cảnh không ràng buộc, lìa xa sự chấp trước của Thức thứ bảy cho nên ở bên trong không đấm theo. 3- Lìa xa ràng buộc của hiện hành cho nên không có đấm theo chủng tử. 4- Không ràng buộc vì giữ lấy Hữu, không đấm theo vì chấp vào Không. 5- Không có ràng buộc vì chướng của phiền não, không có đấm theo vì chướng của Trí.

Ràng buộc đều là thô, đấm theo là tế. Nếu dựa theo một sự việc thì bởi vì đấm theo cho nên ràng buộc, nghĩa như trong phần tổng quát. Nếu ràng buộc đấm theo là một nghĩa, thì đây là dựa theo Đại Dụng vô ngại mà nhận lấy tên gọi, bao gồm Hồi hướng chủ động-thụ động. Dựa theo thoát khỏi chướng của phiền não, thì không có ràng buộc-không có đấm theo tức là giải thoát. Dựa theo Dụng của giải thoát, thì chính là giải thoát không có ràng buộc đấm theo. Nếu hướng về tâm..., thì cũng là tâm không có ràng buộc đấm theo, tức là Thể-Dụng nói trên đều là tánh của giải thoát.

Trong phần hai là dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích, phân ba: 1- Trình bày về thiện căn đã hồi hướng; 2- Từ “Phật tử...” trở xuống là Hạnh chủ động hồi hướng; 3- Từ: “Bồ-tát Ma-ha-tát nhu thị hồi hướng thời như tam thế...” trở xuống là trình bày về lợi ích thành tựu của hồi hướng.

Phần 1: Trước là tổng quát nêu lên sự tôn trọng, bởi vì một chút thiện đều là nhân của Phật, cho nên tất cả đều từ Phật mà lưu truyền; tiếp từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày riêng; sau từ “Ư như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận, đều có thể biết.

Trong phần 2 là Hạnh chủ động hồi hướng, có hai: a- Vẫn như trước tiến tới tu tập muốn đem hồi hướng; b- Từ “Dĩ chư...” trở xuống là chính thức trình bày về hạnh nguyện.

Phần a: Đầu là tổng quát nhắc lại phần trước; sau từ “Cứu cánh...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng của tu tập. Vẫn có mười câu:

Năm câu trước là sự tu tập trước đây, tức là giải thích về chữ tôn trọng...: 1- Bởi vì vui mừng cho nên tôn trọng; 2- Tin hiểu cho nên có thể nhẫn nại; 3- Tự mình tùy thuận; 4- Khiến cho người khác tùy thuận; 5- Tổng quát hiển bày về không có đấm theo đầy đủ bốn câu trên.

Năm câu sau nói về tiến tới tu tập: 1- Tích tập về Thắng tiến; 2- Chí nguyện vui với Đức Dụng rộng lớn của Phổ Hiền; 3- Hưởng lên trên tiến vào cảnh giới của Phật; 4- Thiện căn tăng thêm thế mạnh; 5- Thấy biết càng thêm sáng tỏ.

Trong phần b là chính thức trình bày về hạnh nguyện, nghĩa có mười môn, văn phân làm hai: Trước là mở rộng hiển bày về tướng ấy; sau từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ bỉ thiện căn như thị hồi hướng, sở vị tâm vô phược...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều môn.

Trong phần trước phân hai mục: Một- Trình bày về Hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề; Hai- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ vô trước vô phược giải thoát tâm hồi hướng bất phân biệt...” trở xuống là Hồi hướng Thật tế.

Mục một: Trước là trình bày về rộng lớn, sau là hiển bày về rất sâu xa.

Hồi hướng rộng lớn có sáu mươi môn, trong hồi hướng rất sâu xa có hai mươi môn, cùng với phần tôn trọng-tiến tới tu tập trước đây lại có hai mươi môn, tổng cộng có một trăm môn, hiển bày về viên dung vô tận, sâu rộng vô ngại làm Đại Hồi Hướng.

Dựa vào sáu mươi môn rộng lớn, mở rộng hiển bày về Đức Dụng tự tại của Phổ Hiền, tất cả phân làm hai: 1- Bốn môn đầu là tổng quát hiển bày; 2- Những môn còn lại đều là riêng biệt trình bày.

Mục 1: Trước là ba môn thành tựu về ba nghiệp, bởi vì các môn sau không ra ngoài ba nghiệp; sau là một môn về Tinh tiến bao gồm thúc đẩy vạn hạnh. Trong đó: Tâm giải thoát không có đấm theo-không có ràng buộc là tâm thuộc về chủ động hồi hướng, thành tựu thân nghiệp của Phổ Hiền chính là thụ động hồi hướng. Các môn khác đều dựa theo đây, bởi vì các thiện căn trước đây tức là thụ động hồi hướng, cho nên dùng chữ Chư Thiện Căn lưu thông trong tám mươi môn sau. Một hồi hướng này không nguyện thành Phật, mà nguyện thành Phổ Hiền, bởi vì Phổ Hiền nối thông với phần vị trước và phần vị sau, đạt được Đạo quả không rời bỏ nhân hạnh, tận cùng chúng sinh giới mà làm lợi lạc cho hữu tình, vì vậy nguyện thành Phổ Hiền bao gồm hai loại Hồi hướng.

Mục 2 là riêng biệt trình bày, trong mỗi một môn đều thâm nhiếp Đức Dụng tự tại của pháp giới, bởi vì hoặc là Lý-hoặc là Hạnh, hoặc là Trí-hoặc là Cảnh, hoặc là Tự hành-hoặc là Hóa sinh, hoặc là Thể-hoặc là Dụng, hoặc là Nhân-hoặc là Quả, hoặc là Người-hoặc là Pháp, mỗi loại đều thâm nhiếp toàn bộ tất cả các pháp, không thể thuận theo

nhau.

Riêng biệt phân định, tóm lược phân ra làm hai: a- Hai mươi ba môn, hiển bày về Cứu cánh thuộc Tự phần của Phổ Hiền, tức là Phổ Hiền trong phần vị; b- Ba mươi bốn môn, hiển bày về Cứu cánh thuộc Thắng tiến của Phổ Hiền, tức là Phổ Hiền sau phần vị. Hai phần vô ngại là đức của Phổ Hiền, trước tức là nhân tròn vẹn-quả đầy đủ, sau tức là đạt được Đạo mà không rời bỏ nhân hạnh, trong hai phần đều hàm chứa nhân quả.

Mục a, phân ba tiết: Một- Có bốn môn nói về thành tựu đức Tổng trì của Phổ Hiền; Hai- Có mười hai Nguyên, nguyên thành tựu Lực Dụng tự tại của Phổ Hiền; Ba- Có bảy Nguyên, nguyên thành tựu hạnh của Phổ Hiền. Nhưng đức của các môn phần nhiều dựa theo ba nghiệp.

Tiết một, Tổng trì cũng đầy đủ ba nghiệp: Môn 1 là Tổng trì thuộc về ngữ nghiệp; môn 2 là được thấy Phật thuộc về thân nghiệp; môn 3 là hiểu biết rõ ràng thuộc về ý nghiệp; môn bốn là thời gian-nơi chốn thuộc về Dụng của ba nghiệp. Nêu lên tên gọi thì dựa theo thời gian, phân rõ về Dụng thì dựa vào nơi chốn, văn hiển bày lẫn nhau mà thôi.

Trong tiết hai là Lực Dụng, lại có hai: Đầu là chín Nguyên, một-nhiều thâm nhiếp hòa vào tự tại, vẫn có thời gian-nơi chốn giáo hóa của ba nghiệp..., có thể biết. Sau là ba Nguyên rộng lớn tự tại, có thể biết.

Trong tiết ba là thành tựu hạnh của Phổ Hiền, phân hai: Đầu là bốn Nguyên thành tựu về Thần thông. Sau là ba Nguyên, nguyên thành tựu bốn Biện tài: Một Nguyên đầu tổng quát đầy đủ bốn Biện tài, hai Nguyên còn lại riêng biệt hiển bày về Pháp-Nghĩa, trước là Pháp-sau là Nghĩa, tức là hiển bày về quả đầy đủ đến cuối cùng.

Mục b từ “Thử tùng thử sinh...” trở xuống là trình bày về Cứu cánh thuộc Thắng tiến, mà nói về nhân thì chính là nhân ở trong quả, trong đó phân ba tiết: Một- Có chín môn nói về đức tự tại thâm nhiếp các pháp rộng lớn; Hai- Có mười lăm môn nói về đức ngay trong nhau-hòa vào nhau (Tương tức-tương nhập) trùng trùng; Ba- Có mười môn trình bày về đức vi tế dung nạp duy trì rất sâu xa.

Trong tiết một, phân sáu:

1) Có ba Nguyên về thành tựu Trí: Một Nguyên trước là Thật Trí; hai Nguyên sau là Trí thuộc Phương tiện, đầu là Phương tiện soi chiếu về Hạnh, sau là Phương tiện soi chiếu của Phương tiện.

2) Có hai Nguyên nói về ba nghiệp thành tựu lợi ích không uổng phí.

3) Có một Nguyên nói về ba nghiệp rộng lớn, chúng sinh rộng lớn

là đầy đủ Đại tâm.

4) Có một Nguyên nói về thành tựu ba nghiệp thanh tịnh.

5) Có một Nguyên nói về các căn thuộc về ba nghiệp.

Riêng biệt có mười bốn căn, đều dùng nghĩa về ánh sáng hiển bày tăng thượng-Dụng thù thắng, mà thiết lập để gọi là Căn: Đầu là ba căn về thông minh nhanh nhạy... dựa theo sáu căn như Nhãn..., bao gồm năm Thọ căn. Thông minh nhanh nhạy, là tiếp thu quán sát nhanh nhạy sắc bén; Điều thuận là bởi vì bên trong không có chấp trước ngang ngược; Tự tại là bởi vì cảnh bên ngoài không thể lôi kéo.

Các căn còn lại dựa theo năm căn như Tín...: Một là Tín căn, bởi vì tâm tin tưởng không có tận cùng, cũng bao gồm Mạng căn; hai là Tiến căn; ba là Niệm căn, bởi vì chỉ nghĩ đến tâm bình đẳng của Phật; bốn là Định và Tinh tiến, bởi vì không thối chuyển là nghĩa của Định. Bảy căn còn lại đều là Tuệ: Căn thuộc Kim Cang Giới là nghĩa bao gồm Định-Tuệ, bởi vì Tam-muội Kim Cang tức là Định, mà Chánh trí Kim Cang tức là Tuệ; Giới tức là Trí thuộc tánh hiểu rõ tánh của tâm cho nên gọi là Thượng Định, cũng tức là Vị tri đương tri căn, bởi vì đạt được Bất hoại trong phần vị Hiện quán. Kim Cang Diệm, bởi vì Diệm bao gồm Sự-Lý và chủ động-thụ động, tức là Dĩ tri căn đã thành tựu Trí. Phẩm Ly Thế Gian nói: Căn như Kim Cang cho nên chứng biết về tánh của tất cả các pháp. Tức là Giới căn này. Lại nói: Căn thuộc Kim Cang Quang Diệm, cho nên soi chiếu khắp nơi tất cả cảnh giới của Phật. Cảnh giới của Phật có hai: 1- Cảnh đã quán sát bao gồm Sự-Lý; 2- Cảnh thuộc về phạm vi giới hạn, tức là Trí chủ động quán sát, cũng có thể gọi là cảnh. Ba căn tiếp là điều phục giáo hóa. Hai căn sau cuối là quả tròn vẹn phiền não không còn, tức là Cụ tri căn.

6) Có một Nguyên nói về Thần lực thuộc ba nghiệp, văn tuy thiếu lời mà nghĩa cũng bao gồm đầy đủ.

Trong tiết hai là đức ngay trong nhau-hòa vào nhau trùng trùng, phân sáu:

1) Có ba môn, tiến vào môn Phổ Hiền: Một- Hạnh môn; Hai- Trí môn; Ba- Pháp môn.

2) Có ba Nguyên về thành tựu phương tiện của Phổ Hiền: Một- Phương tiện của Thâm tâm, bởi vì Thâm tâm hợp với Lý, đối với một tâm mà có thể hiện rõ nhiều tâm; Hai- Phương tiện của Hồi hướng, một thân bao gồm đầy đủ tất cả, chỉ hồi hướng một thân đã hồi hướng tất cả, cho nên nói là phương tiện; Ba- Phương tiện của Đại Nguyên, dùng tâm không có gì đạt được (Vô đắc) mà tiến vào cảnh giới của Phật.

3) Có hai Nguyên về tiến vào phần vị Phổ Hiền: Một- Bởi vì bắt đầu tiến vào Địa, cho nên có thể tiến vào quốc độ không có gì ngăn ngại. Hai- Cuối cùng thành tựu cho nên được pháp Quán Đảnh thành tựu Trí, trong đó có ba: Đầu là nêu lên chủ động nhận biết và thụ động nhận biết. Tiếp từ “Sở vị...” trở xuống là nêu ra Tướng thụ động nhận biết, có năm mươi hai Tướng về Căn-Giải-Giới-Hành-Nghiệp..., đều là do Trí của Thập Lực mà nhận biết, như Hội thứ nhất đã giải thích, còn lại cũng thâm nhiếp ở trong đó. Trì nghĩa là nắm giữ thiện-ác, Địa nghĩa là phạm vi giới hạn của Đoạn-Chứng, Bồ-tát thành là Chánh mạng thuộc về Giải-Hạnh, Bồ-tát hoại là Tà mạng thuộc về Giới-Kiến, còn lại đều có thể biết. Sau từ “Như thị đẳng tướng...” trở xuống là kết luận Đức chủ động nhận biết, nghĩa là lia xa bốn sai lầm-đầy đủ năm công đức.

4) Có bốn Nguyên về thành tựu Trí của Phổ Hiền: Một- Thành tựu về Trí thuộc Hạnh, bởi vì không có căn cơ nào không biết, lấy hóa độ chúng sinh làm Hạnh ấy. Hai- Trí thuộc Đại Nguyên, bởi vì không có nơi nào không nhận biết, cho nên nguyện hóa độ rộng khắp. Ba- Trí tận cùng về nghiệp, bởi vì hiểu rõ nhân duyên. Bốn- Trí nhận biết về Pháp, bởi vì nhận biết về pháp giáo hóa.

5) Có hai Nguyên, nguyện thành tựu sự lắng nghe và thuyết giảng của Phổ Hiền: Một- Tai không có gì không lắng nghe; Hai- Lưỡi không có gì không thuyết giảng.

6) Có một Nguyên về thành tựu đức của căn nhận biết (Tri căn), một căn thâm nhiếp tất cả các căn. Trong đó, nói Đại Hạnh Vương là bởi vì căn nhận biết khắp nơi, cho nên tự tại đối với công hạnh giáo hóa. Một căn nhận biết tất cả các căn, có hai nghĩa: Một- Dựa theo Lý dung thông; Hai- Dựa theo Sự riêng biệt. Nghĩa là như một người có căn tánh của nhiều Thừa, trong mỗi một Thừa có vô lượng phẩm; như trong Thanh văn có Tín hành-Pháp hành..., hai loại này có tất cả các căn Thượng-Trung-Hạ như Thối-Từ-Hộ-Trú..., tùy theo một phẩm lại có đủ loại thiện căn khác nhau như Tín...

Tiết ba: Từ “Đắc sắc thậm vi tế...” trở xuống có mười môn, trình bày về Nguyên đạt được pháp nhận biết vi tế của Phổ Hiền, bởi vì sự việc đã nhận biết vô cùng sâu xa, mà Trí có thể nhận biết vi tế. Vi tế có hai: 1- Dựa theo Vô Tánh Nhiếp Luận, là bởi vì khó nhận biết. 2- Dựa vào Tông chỉ của kinh, là bởi vì ở trong một pháp, có tất cả các pháp cùng nhau hiện bày rõ ràng. Như văn nói nghiệp báo của chúng sinh vi tế..., tức là dựa theo nghĩa thứ nhất; Như Lai ở trong thai mẹ..., là bao

gồm hai nghĩa.

Mười môn tức là mười đoạn:

Đoạn một: Trí nhận biết vi tế về pháp thế gian. Luận Du Già nói: “Tánh vi tế của Sắc có ba: 1- Tánh của giảm bớt vi tế, tức là phân tích đến Cực vi; 2- Tánh của chủng loại vi tế, nghĩa là như gió..., trong Sắc có Sắc; 3- Tánh của tâm tự tại chuyển vi tế, tức là Sắc của cõi Sắc-cõi Vô sắc, như kinh nói có cõi trời trú trong phần lượng đầu một mảy lông, nơi chốn lần lượt chuyển tiếp không có gì ngăn ngại. Ba loại này tức là vi tế khó nhận biết.”

Những loại khó nhận biết còn lại tương tự nơi này, đều có nghĩa khác nhau, trong văn phân ba: 1- Nêu lên đạt được nơi nương dựa; 2- Từ “Đắc sắc...” trở xuống là nêu ra pháp đã đạt được; 3- Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận về đức chủ động nhận biết, không sợ hãi rất sâu xa, không mê mờ Lý-Sự.

Loạn nghĩa là sai lầm, Tán nghĩa là không chuyên chú, Trước nghĩa là cấu nhiễm, Liệt nghĩa là không có năng lực gánh vác.

Nay đều trái lại những loại này: Trước là trình bày về lia xa lối lầm; sau là hiển bày về thành tựu đức. Một duyên, nghĩa là chuyên chú vào một cảnh, bởi vì không phân tán; khéo léo vắng lặng, nghĩa là tâm-cảnh đều quên hết, bởi vì không rối loạn; ngay nơi Định mà nhận biết, gọi là khéo léo phân biệt, bởi vì không mê mờ; ngay nơi soi chiếu mà dừng lại, gọi là khéo léo an trú, bởi vì không sợ hãi. Đây là đức chủ động nhận biết, dùng nghĩa thuộc về môn đầu nối thông với chín môn sau, đều thuận theo như vậy nhận biết.

Đoạn hai: Trí nhận biết vi tế về nơi chốn của chúng sinh, trú nghĩa là trú trong thọ lượng, còn lại đều có thể biết.

Đoạn ba: Trí nhận biết vi tế về đức của Hạnh Bồ-tát, trong phần nêu ra pháp đã đạt được có hai mươi câu: Mười câu trước là chủng loại riêng biệt; mười câu sau là cùng trình bày về Tam-muội.

Đoạn bốn: Trí nhận biết Đại Dụng thuộc đức của phần vị Bồ-tát, trong đó có ba:

1) Nêu lên pháp đã tu tập.

2) Từ “Tất tri...” trở xuống là nêu ra pháp đã đạt được, có bốn mươi loại: Trước là mười một sự việc, nói về Hạnh thuộc phần vị thành tựu đầy đủ; sau từ “Sinh Đâu-suất...” trở xuống là ba mươi sự việc, trình bày về Đại Dụng đầy đủ của phần vị, như hiện rõ tám tướng..., trong đó có danh hiệu của Phật Bồ-tát, khác nhau về nhân-quả đều là sự việc trong Dụng mà thôi. Sự việc vi tế ấy, trong phẩm Ly Thế Gian và phẩm

Bất Tư Nghị Pháp đã mở rộng trình bày.

3) Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về đức chủ động nhận biết, nghĩa là thành tựu đức thuộc Hạnh tự tại của Phổ Hiền. Đức cũng gọi là lợi ích, đức này bao gồm từ các Trí mà sinh ra, cũng có thể phối hợp riêng biệt, sợ rằng chán ngán vì vẫn nhiều.

Trong đó: Nói về Tâm-Phi tâm, là dùng Thức duyên với cảnh thì gọi là Tâm địa, dùng Trí hiểu rõ về cảnh thì gọi là Phi tâm địa. Do Thức mà hiểu rõ cảnh bao gồm thiện-ác, thiện chỉ là hữu lậu; do Trí mà hiểu rõ cảnh, chỉ là vô lậu. Cảnh của thiện hữu lậu-vô lậu, tâm có thể bao hàm, cho nên tâm gọi là Tạng. Bản kinh thời Tấn nói: “Nhận biết rõ ràng đến cuối cùng về các Tạng công đức nghĩ bàn-không thể nghĩ bàn của Địa.”

Nói ở nơi Phi tâm mà chỉ rõ sinh ra tâm, tức là Tâm lượng của Phi tâm lượng. Vì vậy cho nên có thể lìa xa lộ trình của ngôn ngữ, mà trú trong Trí... Bản kinh thời Tấn nói: “Đối với không thể nghĩ bàn mà sinh ra nghĩ bàn, chỉ rõ các pháp môn, lìa xa lộ trình của ngôn ngữ.” Kinh trên nói: “Bồ-tát an trú là không thể nghĩ bàn, ở trong nghĩ bàn không thể cùng tận, tiến vào nơi không thể nghĩ bàn này, Tư duy và Phi tư duy đều vắng lặng.” Tức là nghĩa này. Bởi vì tâm và Phi tâm là Sinh Diệt-Chân Như, cho nên không phải ngay đó-không phải tách rời. Không vì cách giải thích này khiến cho người hiểu lầm, nói là khiến cho Vô tình có tâm. Giả sử khiến cho Vô tình có tâm, thì đã nói là chỉ rõ sinh ra, đối với Lý không có gì sai. Vẫn còn lại có thể biết.

Đoạn năm: Trí nhận biết về cảnh giới của Chúng sinh. Ở đoạn hai là Trí nhận biết về nơi chốn của chúng sinh, tức là cảnh giới thuộc Trí của Tự nghiệp trong Thập Lực; ở đây nhận biết về cảnh giới của Chúng sinh, tức là tánh khác nhau, vốn là cảnh giới thuộc Trí của đủ loại cảnh giới trong Thập Lực. Bản kinh thời Tấn nói: “Vi tế tiến vào tánh của chúng sinh.” Trong văn cũng có ba:

1) Nêu lên chỗ dựa của đức.

2) Từ “Đắc nhất thiết...” trở xuống là nêu ra Trí đã đạt được, trong đó có mười câu: Câu đầu là tổng quát; từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt.

Riêng biệt nói là phân biệt cảnh giới của chúng sinh..., cũng có thể nói là cảnh giới phân biệt của chúng sinh: Một- Phân biệt, là tự tánh gắng gượng tư duy khởi lên tà kiến... Hai- Cảnh giới của ngôn thuyết, là dựa vào Tà sư dạy bảo mà huân tập ngôn từ... Ba- Đó là Giới-Kiến... Bốn và năm có thể biết. Sáu- Mong cầu hưởng đến cõi trời, có người

mong cầu hưởng đến Tĩnh lực-Tà phạm hạnh, mong cầu hưởng đến Vô sắc-Vô tưởng, bởi vì đều nói là Niết-bàn. Bảy- Đó là cảnh giới của các hành, bởi vì các hành mong cầu của chúng sinh đều khác nhau, tùy theo một mong cầu tà vạy, cho nên có đủ loại khác nhau như ngoại đạo Lỗ hình... Tám- Nhiều tham-sân... bởi vì tạp nhiễm khác nhau. Chín- Nghe đến Nhất thừa-Tam thừa-Vô lượng thừa..., vốn đều thanh tịnh. Lại hai câu về nhiễm-tịnh(8-9) bao gồm bảy câu trước, nghĩa là lại có phân biệt về nhiễm, phân biệt về tịnh... Lại tổng quát có bốn nghĩa, cho nên rất sâu xa vi tế: 1- Bởi vì điên đảo tức là Không; 2- Bởi vì Lý có chân thật; 3- Bởi vì duyên thành tựu lia xa niệm; 4- Bởi vì hòa vào nhau không có nhờ cậy.

3) Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về đức nghiệp chủ động nhận biết: Một- Kết luận về đức; Hai- Từ “Quảng nhiếp...” trở xuống là trình bày về tác nghiệp, cũng có tổng quát và riêng biệt, suy nghĩ để phối hợp.

Đoạn sáu: Trí nhận biết về thế giới, văn có ba:

1) Tổng quát nêu lên.

2) Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, có hai mươi mốt Trí: Đầu là chín Trí nói thẳng về Khí thể gian; tiếp là chín Trí trình bày về sự thọ dụng, một-nhiều tác thành lẫn nhau, cũng là thọ dụng của Bồ-tát; sau là ba Trí nhận biết đích thực, cho nên không có giữ lấy đắm theo.

3) Từ “Như thị...” trở xuống là hiển bày về đức chủ động nhận biết, trong đó cũng có tổng quát và riêng biệt; riêng biệt có thể suy nghĩ.

Đoạn bảy: Trí nhận biết về pháp giới. Trí này hiển bày ngay nơi Lý là pháp giới thuộc Sự, cho nên nói là tất cả pháp giới ngay nơi Sự là Lý, lại nói là không sinh... Cũng có ba:

1) Nêu lên pháp đã tu tập.

2) Từ “Đắc...” trở xuống là phân rõ về pháp đã đạt được, có mười một câu: Câu đầu là tổng quát, mười câu còn lại là riêng biệt.

3) Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về đức chủ động nhận biết, chỉ dựa vào tổng quát mà nói, trong đó: Một- Nêu lên đầy đủ Tự lợi-Lợi tha; Hai- Từ “Bất xả...” trở xuống là giải thích về nghĩa thành tựu đầy đủ.

Đầy đủ Hạnh Phổ Hiền không ra ngoài hai loại: Một- Chứng đạo; haiH Hóa đạo.

Một: Lia xa hai bên, hiển bày về Chứng đạo đầy đủ: Không rời bỏ đối với nghĩa, đây là lia xa Không biên; không đắm theo đối với pháp,

đây là lia xa Hữu biên. Vì vậy đạt được Trí bình đẳng vô ngại. Nói nhận biết nguồn gốc không có gì ngăn ngại, tức là pháp đã Chứng.

Hai: Từ “Bất trú...” trở xuống là cùng soi chiếu hai Đế, trình bày về Hóa đạo đầy đủ, có thể biết.

Đoạn tám: Trí nhận biết về tiến vào kiếp:

1) Nêu lên.

2) Từ “Sở vị...” trở xuống là đưa ra.

3) Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận về đức chủ động nhận biết, cũng là tướng của lợi ích, trước là kết luận-sau là lợi ích, có thể biết.

Đoạn chín: Trí nhận biết về pháp:

1) Nêu lên.

2) Từ “Sở vị...” trở xuống là đưa ra, vẫn có mười câu, nghĩa có bốn lớp:

Một: Thể của pháp đầy đủ đức.

Hai: Tất cả hòa vào một như nhau, trình bày về Dụng của pháp ngay trong nhau-hòa vào nhau.

Ba: Tiến vào Phi pháp như nhau, trình bày về Lý-Sự ngay trong nhau, cũng là Hữu-Vô ngay trong nhau. Bởi vì Phi pháp có ba nghĩa: a- Bởi vì không phải là pháp thiện; b- Phi tức là không có, như sừng thỏ...; c- Không phải chính là Lý. Nay là hai nghĩa sau. Tiếp theo nói Vô pháp cũng tức là Phi pháp, bản kinh thời Tấn gọi là Phi, nay dịch là bởi vì Phi bao gồm hai nghĩa, cho nên cùng trình bày. Dựa vào nghĩa thứ hai, thì nguồn gốc của pháp tự nhiên không có, bởi vì nhân duyên sinh ra các pháp, cho nên nói là an lập. Nếu dựa vào nghĩa thứ ba, thì thuận theo nguồn gốc Vô trú mà thiết lập tất cả các pháp, cho nên không trái nhau.

Bốn: Tiến vào phương tiện không sót lại gì, là phương tiện khéo léo của Thể-Dụng.

3) Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về đức, có thể biết.

Đoạn mười: đạt được Trí tổng quát nhận biết vi tế tận cùng tất cả không sót lại gì. Bản kinh thời Tấn có mười câu, đều có chữ không sót lại gì (Vô dư). Trong văn phân bốn:

1) Tổng quát nêu lên.

2) Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt đưa ra, tức là nhắc lại mười môn trước đây, tên gọi hoặc có thay đổi về chi tiết, thứ tự hoặc là không giống nhau mà hiểu ý đều giống nhau.

3) Từ “Nãi chí...” trở xuống là kết luận về những điều không nói

ra.

4) Từ “Sinh như ảnh...” trở xuống là hiển bày về đức của nhận biết, cũng có tổng quát và riêng biệt. Tổng quát thuận theo sinh khởi trước đây. Riêng biệt thì theo thứ tự, hướng về mười câu trước đây: Một: Quốc độ bên ngoài là ảnh tượng của tâm, cho nên nay có thể nhận biết về quốc độ thì nhận biết về ảnh tượng. Hai: Chúng sinh tướng đến thì hiện rõ, cho nên nói là như giấc mộng. Ba: Quả báo là duyên sinh ra, cho nên như huyễn ảo. Bốn: Tánh của tâm vắng lặng, duyên cảm thành tựu khác nhau, cho nên nói là như tiếng vang. Năm: Lúc thuyết giảng như hóa hiện. Sáu: Tức là Không giới. Bảy: Ngôn ngữ vốn vắng lặng. Tám: Tức là Pháp giới. Chín: Thế gian không có gì nương tựa. Mười: Hạnh xuất thế gian tức là pháp của Phật.

Mục hai là Hồi hướng Thật tế, vẫn có mười cặp: Cặp 1- Tức là Giả-Thật. Cặp 2- Tức là Nhân-Pháp, câu Bồ-đề cho nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Cặp 3- Tức là Thể-Dụng, cũng gọi là chủ động-thụ động, Lương Nhiếp Luận nói: “Đối với tánh phân biệt Y tha khởi, không thấy Hạnh đã thực hành, và Đạo có thể thực hành.” Tức là nghĩa này, nghĩa là Chứng Trí có thể thực hành thì vốn là xuất ly. Cặp 9- Nhân Quả, Đẳng Chánh Giác là dựa theo con người phù hợp với pháp, khác với Bồ-đề trước đây. Trong cặp 3 tuy có nói đến Hạnh Bồ-tát, mà ý chọn lấy Hạnh đã thực hành, ở đây dựa theo nhân cho nên không trùng lặp. Cặp 10- Pháp tức Giáo Pháp và Giáo Trí đối lập với nhau. Còn lại đều có thể biết.

Phần sau từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều môn, bởi vì tâm không có ràng buộc, cho nên thân... đều không có ràng buộc đắm theo.

Phần 3 từ: “Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về lợi ích thành tựu của hồi hướng: Đầu là nhắc lại, sau là hiển bày.

Trong hiển bày có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt: Một- Hồi hướng là chính thức phát khởi tu hành; Hai- Đạo là con đường giáo pháp thường xuyên đi lại; Ba- Giáo pháp Hồi hướng; Bốn- Trí bình đẳng; Năm- Cảnh đã duyên vào; Sáu- Công hạnh bất dứt tu tập, là thiện căn của Phật; Bảy- Thấy rõ ràng nguồn gốc, thành tựu tánh Như Lai; Tám- Bi và Trí vô ngại là những công hạnh của Phật, như phẩm Xuất Hiện trình bày; Chín- Thể và Dụng vô tận là cảnh thuộc về phạm vi giới hạn.

Phần ba: Dựa vào giải thích để kết luận tên gọi, thuận theo phần

đầu nói rộng ra, cho nên có chữ Tâm.

Phần sau là Quả thuộc phần vị, thành tựu ba loại quả: Một- Quả hiện tại thành tựu, trong đó: Trước là Tự lợi; sau từ “Vị dục...” trở xuống là Lợi tha. Hai- Từ “Tại tại...” trở xuống là thành tựu sẽ đạt được quả: Trước là Tự lợi; sau từ “Tận vị lai...” trở xuống là bao gồm Lợi tha. Ba- Từ “Hiền Thủ...” trở xuống là trình bày cuối cùng thành tựu về quả, nhân quả không có gì ngăn ngại.

Phần ứng tụng, có năm mươi một kệ, phân hai: Trước là tụng về Hạnh thuộc phần vị; sau là hai kệ, tụng về Quả thuộc phần vị.

Trong phần trước, có ba mục: Một- Có ba kệ, tụng về phần thiện căn đã Hồi hướng; Hai- Từ “Sở tu...” trở xuống có bốn mươi bốn kệ, tụng về phần Hạnh của Hồi hướng; Ba- Từ “Quá khứ...” trở xuống có hai kệ, tụng về phần lợi ích thành tựu của Hồi hướng.

Mục một: Nói không vì tự mình..., là Đại Trí soi chiếu về Lý, Tự-Tha không có gì thiên lệch, Đồng Thể Đại Bi hồi hướng làm lợi ích.

Trong mục hai là tụng về Hạnh của Hồi hướng, chỉ tụng về phần rộng lớn, lược qua không tụng về phần rất sâu xa, bởi vì có khắp ở trong phần rộng lớn.

Vẫn có hai: Một kệ đầu, tụng về Cứu cánh thuộc Tự phần của Phổ Hiền; những kệ còn lại, tụng về Cứu cánh thuộc Thắng tiến.

Trong đó, trường hàng trước đây có ba: 1- Đức tự tại thâm nhiếp các pháp rộng lớn; 2- Đức ngay trong nhau-hòa vào nhau trùng trùng; 3- Đức vi tế dung nạp duy trì rất sâu xa. Nay tụng tổng quát chỉ hiển bày về vi tế, trong đó phân mười:

1) Có ba kệ, tụng về Trí nhận biết vi tế về pháp thế gian.

2) Có một kệ, tụng về nơi chốn của chúng sinh, bởi vì nơi chốn do hành khác nhau.

3) Có hai kệ, vượt lên tụng về Chúng sinh giới ở đoạn năm, Giới tức là căn tánh.

4) Có ba kệ, tụng về Đức của Hạnh Bồ-tát ở đoạn ba, Bồ-tát cũng nhận lấy tên gọi Chúng sinh, Hạnh về Thần thông... gọi là Hiền, Hạnh về Tam-muội... gọi là Ân, nghĩa còn lại đầy đủ tướng tận.

5) Từ “Thập phương...” trở xuống có hai mươi bảy kệ, tụng về Đại Dụng thuộc Đức của phần vị, trong đó có ba: Đầu là một kệ tổng quát; tiếp là hai mươi ba kệ, riêng biệt tụng về nhân quả tám tướng...; sau là ba kệ, tụng về Đức chủ động nhận biết.

6) Từ “Hữu số...” trở xuống có một kệ, tụng về Trí nhận biết Kiếp ở đoạn tám.

7) Có một kệ, tụng về Trí nhận biết Thế giới ở đoạn sáu.

8) Có hai kệ, tụng về Trí nhận biết Pháp giới ở đoạn bảy.

9) Có một kệ, tụng về Trí nhận biết Pháp ở đoạn chín, bởi vì Pháp và Pháp giới cùng nêu ra tánh-tướng, trước đây phân ra hai môn, nghĩa nhất định phải nối thông với nhau, cho nên kệ ở một nơi.

10) Có hai kệ, tụng về Trí nhận biết tất cả các pháp, thành tựu lợi ích của Quả thuộc phần vị. Hai đoạn có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 32 trong kinh).

Thứ mười: Đăng Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hưởng.

Ở trong phần Trường hàng: Đầu là Hạnh thuộc phần vị; sau là Quả thuộc phần vị.

Trong phần đầu là Hạnh thuộc phần vị có ba: Một- Nhắc lại tên gọi để đưa ra phát khởi; Hai- Dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích; Ba- Dựa vào giải thích để kết luận tên gọi.

Phần một: Nhắc lại tên gọi để đưa ra phát khởi: Nghĩa là xứng với Pháp giới mà khởi lên Đại Dụng. Nhưng mà Đăng là nghĩa của tiến vào, cho nên trong phần Căn bản gọi là Nhập Pháp Giới.

Vô lượng Pháp giới tức là thụ động tiến vào, pháp nào là chủ động tiến vào? Tóm lược có bốn: 1- Pháp của Hạnh đã Hồi hưởng, nghĩa là Hạnh của Pháp thí xứng với Pháp giới mà bố thí; 2- Thể của Hạnh đã thực hành vốn rộng lớn vô biên; 3- Trí là chủ động Hồi hưởng; 4- Đức là thụ động Hồi hưởng, nghĩa là bởi vì Đại Trí xứng với Pháp giới.

Hồi hưởng thiện căn sánh bằng Pháp giới, hưởng về Đại Dụng giống như Pháp giới, thành tựu Thể của Hạnh thuộc Pháp giới. Đây là phần vị đầy đủ cao nhất, cho nên nêu lên tên gọi là Pháp giới, ngay nơi pháp mà nhận được tên gọi.

Tiến vào (Đăng) pháp giới nào? Ở đây bao gồm bốn nghĩa:

Một: Tiến vào Pháp giới thuộc Lý, kinh nói: “Một tánh như Pháp giới, tự tánh thanh tịnh như Pháp giới, thiện căn hồi hưởng cũng lại như vậy.” Văn ấy không phải là một.

Hai: Tiến vào Pháp giới thuộc Sự, kinh nói: “Muốn được thấy vô lượng chư Phật mà tiến vào Pháp giới, muốn điều phục vô lượng chúng sinh mà tiến vào Pháp giới, hoặc là Nguyên khởi lên vô lượng Hạnh mà tiến vào Pháp giới, hoặc là Nguyên thành tựu vô lượng Đức mà tiến vào Pháp giới, hoặc là Nguyên đạt được vô lượng Quả mà tiến vào Pháp giới.” Đầu là Sự ngay nơi Lý.

Ba: Tiến vào Pháp giới thuộc Lý-Sự vô ngại, kinh nói: “Nguyên cho tất cả chúng sinh, làm Pháp sư tu hành về đạo Vô tướng, dùng các

tướng vi diệu mà tự trang nghiêm mình, thì Tướng-Vô tướng không có gì ngăn ngại.” Đều là loại ấy.

Bốn: Tiến vào Pháp giới thuộc Sự-Sự vô ngại, kinh nói: “Trong một cõi Phật hiện rõ tất cả cõi Phật...”

Nhưng bốn sự việc ấy đều tiến vào bốn loại pháp giới, dung thông mà không hai. Ở đây chủ động tiến vào (Năng đặng) tức là thụ động tiến vào (Sở đặng), không phải là có hai vật mà có thể dựa vào, cho nên trước đây nói tiến vào, tiến vào mà không có gì tiến vào.

Kinh Bốn Nghiệp chỉ nói là Pháp giới, không có chữ Đẳng Nhập, tức là ý này. Kinh ấy giải thích rằng: “Hiểu biết tất cả các pháp là Đệ nhất nghĩa đế-Trung đạo-Vô tướng, bởi vì tất cả các pháp đều là một tướng soi chiếu. Đệ nhất Trung đạo tức là thụ động tiến vào, đều một tướng soi chiếu tức là chủ động tiến vào. Hai pháp này không hai, tức là Pháp giới. Vì vậy không thể nào chỉ dùng Pháp giới thuộc Sự làm tên gọi.”

Nói về Vô lượng, cũng có hai nghĩa: 1- Không có phần lượng, tức là Pháp giới thuộc Lý; 2- Không có số lượng, tức là Pháp giới thuộc Sự.

Hồi hướng trước đây trình bày dựa vào Thể khởi Dụng, Hồi hướng này trình bày về Thể-Dụng vô ngại viên mãn tự tại, tức là dùng Pháp thí và các tướng, hợp với Đức tự tại Đại thiện xảo của Phổ Hiền, làm Thể của phần vị ấy.

Phần hai: Từ “Phật tử dĩ...” trở xuống là dựa vào đưa ra để mở rộng giải thích, văn phân làm ba: 1- Trình bày về thiện căn đã hồi hướng; 2- Từ “Dĩ thử thiện căn...” trở xuống là thâm nhiếp để hồi hướng; 3- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát như thị hồi hướng thời an trú...” trở xuống là thành tựu đức của hồi hướng.

Trong phần 1, có hai: a- Trình bày phần vị của Hạnh dựa vào thân; b- Từ “Quảng hạnh...” trở xuống là dựa vào phần vị khởi Hạnh.

Phần a: Như Địa thứ mười đạt được Tam-muội Ly Cấu, nhận lấy chức vụ của Trí, bên trong đạt được Định này mà rưới trên đỉnh đầu của Tâm, bên ngoài chỉ rõ khen ngợi mà dùng lụa trắng buộc trên đỉnh đầu, Pháp thuận theo Dụ gọi tên là Ly Cấu Hội. Chỉ có tướng này thì nhận biết đạt được Định ấy, biểu thị cho phần vị thành tựu đầy đủ thì mới có thể thuyết pháp như mây cuộn-mưa tuôn (Vân vũ thuyết pháp), để làm lợi ích cho chúng sinh, gọi là phần vị Pháp Sư. Nhưng phần vị này đầy đủ toàn bộ có năm lớp: 1- Dựa theo Tín đầy đủ, như phẩm Hiền Thủ nói: Liên đạt được pháp Quán Đảnh mà bước lên phần vị... 2- Dựa theo

Giải đầy đủ, như Quán Đảnh Trú và phần Hải Trạng trình bày. 3- Dựa theo Hạnh đầy đủ, như Hạnh thứ mười tiến vào pháp giới Nhân-đà-la-võng... 4- Nguyên thiện xảo đầy đủ, như phần vị này phân rõ. 5- Dựa theo Chứng đầy đủ, như Thập Địa trình bày.

Trong năm lớp này, hễ thành tựu một lớp thì nhất định phải đầy đủ Lý-Hạnh, tương ứng với bên trong cho nên đều gọi là phần vị đầy đủ, nhưng Tín-Giải... khác nhau cho nên không xen lẫn với nhau.

Nếu dựa theo giáo Viên dung, thì chỉ một phần vị đầy đủ tức là nhân cứu cánh, lại không chờ đợi gì khác. Vả lại, nếu đạt được một phần vị thì đạt được những phần vị khác, tổng quát phần vị nhận lấy chức vụ của một pháp giới, tùy theo môn sai biệt có năm phần vị không giống nhau, Thể của pháp dung thông hoàn toàn thấu nhiếp không có gì ngăn ngại, không giống như những Giáo khác.

Trong phần b là dựa vào phần vị khởi Hạnh, có hai mục: Trước là trình bày về khởi Hạnh; sau từ “Phật tử...” trở xuống là hiển bày về Hạnh ấy thành tựu. Lại trước tức là Lợi th, sau là trình bày về Tự lợi. Lại trước là trình bày về Tự phần, sau là hiển bày về Thắng tiến.

Mục trước có mười một câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Riêng biệt, nghĩa là Từ... đều là Pháp thí. Nói đến Pháp thí, là phương pháp tuyệt diệu để sinh ra hiểu biết (Giải), nguồn gốc để dấy khởi thực hành (Hạnh), tăng bậc để tiến vào Thánh đạo, bến bờ để vượt qua biển khổ.

Cổ đức nói: “Trong kinh này dựa vào con người để mở rộng về Đạo, phần nhiều ca ngợi về đức thù thắng của Pháp Sư, dựa vào Hạnh để biểu thị cho pháp, cứ mỗi lần dẫn ra Phổ Hiền làm phần cuối, cho nên biết công đức của Pháp thí vượt qua Tài thí, khó mà ví dụ.”

Trong đó có mười câu:

1) Từ Bi làm yên ổn chúng sinh ở tại tâm Bồ-đề.

2) Làm lợi ích cho chúng sinh không có dừng nghỉ. Hai câu trên tức là tâm rộng lớn.

3) Đại tâm nuôi lớn thiện căn, chọn lấy không phải là việc làm khác.

4) Điều phục ngăn chặn (Điều Ngự) đến cuối cùng, dùng Phật đạo để dẫn dắt. Hai câu trên tức là tâm bậc nhất.

5) Mặt trời pháp soi chiếu khắp nơi.

6) Bình đẳng khuyến khích tu thiện, bản kinh thời Tấn nói: “Muốn khiến cho chúng sinh tu các thiện căn.” Hai câu trên tức là tâm bình

thường, luôn luôn yêu thương chúng sinh, giống như chính mình cho nên gọi là Bình đẳng.

7) Tâm thanh tịnh vô ngại, tức là tâm không điên đảo. Điên đảo có hai: Một- Tâm nhiễm theo hóa độ thuộc chủ động-thụ động; nay không sinh tâm đối với hóa độ, thì hóa độ ấy to lớn lẽ nào gọi là Trí tự tại hay sao? Hai- Thấy không có chủ động-thụ động, liền hưởng về tịch diệt; nay không rời bỏ nghiệp thiện, không có đắm vào Sự-Lý.

8) Cốt chứa châu báu là chỉ rõ về quả, cho nên nói là chủ buồn, an ổn trong Chánh đạo cùng bao gồm nhân quả, Quả tức là Bồ-đề Niết-bàn, Nhân tức là tám Chánh đạo-vạn hạnh.

9) Dẫn dắt theo nhân của vạn hạnh. Hai câu trên (8-9) tức là làm lợi ích có ý nghĩa, cũng là tâm bậc nhất.

10) Tăng trưởng mà không hủy hoại là nghĩ đến che chở (Hộ niệm). Bắt đầu khiến cho phát tâm, cuối cùng khiến cho thành tựu, có bắt đầu-có kết thúc, đó chỉ là Thánh nhân.

Nhưng bốn tâm rộng lớn..., Bát-nhã tuy là trong Phát Tâm Trú, mà mỗi phần vị đều sử dụng.

Trong mục sau là hiển bày về Hạnh ấy thành tựu, có hai mục: Một- Nhắc lại phần trước, bản kinh thời Tấn nói: “Bồ-tát thực hành Pháp thí giống với tất cả pháp thiện.” Hai- Từ “Nhiếp thọ...” trở xuống là chính thức hiển bày về tướng thành tựu, văn hiển bày có thể biết.

Phần 2 là thâu nhiếp để hồi hướng, văn chỉ khác nhau ở chi tiết so với trước đây.

Các đoạn bao gồm về sau, toàn bộ có hai mươi một môn; nếu bao gồm thiện căn Pháp thí lấy mười câu trên đây, cùng làm thành các đoạn, thì lý không có gián đoạn như vậy. Nay tạm thời phân ba: a- Có chín môn, riêng biệt hưởng về mười một câu thiện căn, để trình bày về Hồi hướng, tức là Hồi hướng thuộc Tự phần; b- Có bốn môn, bao gồm hiển bày về ý của Hồi hướng; c- Có tám môn, lại dùng môn khác nhau để riêng biệt trình bày về Hồi hướng, tức là Hồi hướng thuộc Thắng tiến.

Phần a: Có chín môn, tức là chín đoạn:

Đoạn một: Nguyện được nghe pháp, được thấy Phật, tu hạnh Tự lợi-Lợi tha. Hưởng về hai câu trước đây, trong đó có hai: 1- Đầu là một Nguyện tổng quát trình bày; 2- Nguyện còn lại đều riêng biệt hiển bày.

Mục 1: Câu đầu là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; từ “Nguyện đắc...” trở xuống là chính thức hiển bày về ngôn từ của

Nguyện. Tất cả các cảnh, văn giới hạn ở đoạn đầu, mà nghĩa tổng quát đầy đủ hai mươi mốt môn, hồi hướng đều là tất cả các cảnh. Tất cả các cảnh này rộng lớn như pháp giới, Lý-Sự, Sự-Sự đều không có gì chướng ngại, cảnh như vậy đều được tăng trưởng thành tựu.

Trong mục 2 là riêng biệt hiển bày, có hai mục: a- Nguyện nghe pháp thọ trì, tức là thành tựu về nghĩa mở rộng thực hành Pháp thí ở văn trên; b- Nguyện niệm Phật tu hành, thành tựu về làm lợi ích không có dừng nghỉ nói trên.

Trong mục b cũng có hai: Trước là chính thức trình bày về Hạnh niệm Phật; sau từ “Hựu nguyện...” trở xuống là hồi hướng thiện căn niệm Phật thành tựu hạnh Tự lợi-Lợi tha.

Trong mục sau cũng có hai tiết: Một: Tổng quát vì tất cả, tu hạnh Bồ-tát ở tất cả mọi lúc-mọi nơi; hai: Từ “Nhất thiết chư Phật...” trở xuống là riêng biệt trình bày về tu hành, Phạm hạnh là căn bản của vạn hạnh, cho nên chỉ trình bày về Phạm hạnh.

Trong tiết hai có ba: 1: Tổng quát nêu ra những điều đã nguyện; 2: Từ “Sở vị...” trở xuống là nêu ra Hạnh đã tu tập; 3: Từ “Phật tử...” trở xuống là bao gồm chất vấn-giải thích về thành tựu.

Trong tiết 2 có hai mươi Phạm hạnh, phần nhiều giống với mười Giới mà Trí Luận đã nêu ra, đó gọi là: Không thiếu sót, không phá hỏng, không chọc thủng, không xen tạp, tùy theo đạo, không đấm trước, do Trí mà ca ngợi, tự tại, tùy theo Định, đầy đủ; tất cả dùng Tánh Giới mà làm căn bản. Nay tách ra làm hai mươi mốt:

1) Không phá hỏng, nghĩa là giữ gìn bốn giới Trọng-mười giới Trọng, nếu phạm vào những giới này, thì giống như đồ vật bị phá hỏng, cho nên không có để sử dụng.

2) Không thiếu sót, nghĩa là giữ gìn mười ba giới Tăng Tàn, còn thừa lại như đồ vật hư hỏng hãy còn có thể sửa chữa làm lại.

3) Giữ gìn phương tiện, nếu nghĩ đến sự việc phá giới, tâm nhiễm ô cùng nhau trò chuyện, nghe tiếng của vòng-xuyến chạm nhau, đều gọi là xen tạp.

4) Giữ gìn giới Ba-dật-đề, như vết nhơ trên mặt ngọc khuê, tuy là có thể mài hết nhưng cũng không làm.

5) Định tâm tương ứng, cho đến giới Đột-cát-la cũng không sai lầm.

6) Duyên không thể nào làm hỏng ba loại trên, đều không bị chọc thủng, giới bị chọc thủng như đồ đựng bị rò rỉ thì không thể nào tiếp nhận Đạo. Sáu loại trước đều là Luật nghi.

7) Tức là do Trí mà ca ngợi, nghĩa là Sự-Lý không có gì trái ngược mà hợp với tâm của bậc Thánh.

8) Không dựa vào danh lợi-quả báo.

9) Không thể nào chủ động giữ gìn-thụ động giữ gìn, nhờ có hai loại này tuy nắm giữ-ngăn chặn Tự-Tha, mà có thể tự tại ở giữa thế gian. Ba loại tiếp đều là Giới tùy theo Đạo.

10) Lựa chọn theo đạo lý Tiểu thừa.

11) Hiển bày đều là Hạnh của Phật.

12) Bao gồm chủ động thông suốt về Phi đạo, cho nên nói là Vô ngại, đều tùy theo Trung đạo.

13) Không có đắm theo tức là thấy Chân-thành Thánh.

Bốn loại tiếp tức là Giới đầy đủ, nghĩa là quán sát Trung đạo đầy đủ Sự-Lý: 1- Sự và Lý không có trái ngược; 2- Thuận theo Lý mà thực hành thì thường còn không diệt; 3- Tâm có thể đạt đến Lý; 4- Siêu việt thù thắng đối với những loại khác.

Từ “Vô động...” trở xuống đều là Giới tùy theo Định, nghĩa là tùy theo Định Thủ Lăng Nghiêm, không khởi lên Diệt Định, hiện rõ các oai nghi. Tuy thị hiện cảnh tượng của mười pháp giới, không có pháp giới nào không đi đến, mà vắng lặng không lay động. Cảnh thuận không thể nào làm tán loạn, cảnh nghịch mà không có nóng giận. Lại an trú không gì sánh được, tức là trú trong Đại Từ Bi; không có lay động-không có tán loạn, tức là tâm Xả thường xuyên hiện rõ; không có nóng giận tức là Hỷ. Chính là bốn tâm Vô lượng (Tứ đẳng), cũng gọi là Phạm hạnh.

Tiết 3 là bao gồm chất vấn-giải thích về thành tựu, có chất vấn ngầm rằng: Tâm mong mỏi của Bồ-tát, trước là vì người, sau mới vì mình; nay trước là Tự hành thì lẽ nào không trái ngược nhau hay sao? Vì vậy sau giải thích rằng: Chỉ tự mình tu hành thì có thể làm lợi ích cho chúng sinh. Đây cũng là thành tựu về làm yên ổn chúng sinh ở tại tâm Bồ-đề, và dùng tâm Bồ-đề nuôi lớn thiện căn nói trên. Trong văn phân hai: a- Chính thức trình bày; b-Trở lại đưa ra giải thích.

Tiết a: Trước là tổng quát trình bày; sau từ “Linh nhất thiết...” trở xuống là riêng biệt hiển bày. Có mười hai câu, tổng quát hiển bày về Trì-Phạm:

Sáu câu trước là trình bày về có đức của Trì: 1- An trú, là trú trong tất cả các Giới; 2- Mở rộng nói cho biết, là trình bày chung về Trì-Phạm; 3- Thực hành điều thiện; 4- Ngăn chặn điều ác; 5- Tâm không có cấu nhiễm; 6- Trí có thể soi chiếu.

Sáu câu sau là trình bày về không có sai lầm của Phạm: 1- Không

khởi tâm sai lầm, cho nên không có cấu nhiễm của trần cảnh. 2- Không phạm vào thân-khẩu, cho nên không có chướng ngại của nghiệp báo, soi chiếu rõ ràng, mở mang hiểu biết, không che khuất đối với Lý. 3- Do không vi phạm, cho nên hai đời được yên vui trong sáng. 4- Lìa xa sự ràng buộc của triền cấu không có hổ thẹn và không có hối hận. 5- Lìa xa nhân ác và quả ác. 6- Không làm phiền lòng mình và phiền lòng người khác, mà thành tựu Ba-la-mật.

Trong tiết b là trở lại đưa ra giải thích, có hai: Trước là chính thức đưa ra giải thích ngược lại; sau là trở lại đưa ra giải thích thuận theo.

Tiết trước, ý đưa ra rằng: Hành của Tự-Tha khác nhau, vì sao Tự hành lại là vì người khác? Ý giải thích rằng: Tự mình không ngay thẳng thì khiến cho người khác không thuận theo, vì vậy trước nói đến Tự hành chính là vì chúng sinh. Kinh Tịnh Danh nói: “Nếu mình có ràng buộc mà có thể cởi bỏ ràng buộc cho người, thì điều này không có.” Nhiếp Luận nói: “Nếu mình trú trong tà hạnh, giả sử muốn sửa chữa sai lầm của người, thì người này cuối cùng không thể nào ngăn chặn được sai lầm của người khác.” Văn có mười câu, dựa theo mục trên có thể biết.

Tiết sau là trở lại đưa ra, ý nói rằng: Đá tuy không sắc bén mà có thể mài cho dao sắc bén, tự mình tuy không thực hành mà ngại gì chuyển hóa chúng sinh? Nay nói không có thể làm lợi ích, thì nguyên cơ như thế nào? Ý giải thích rằng: Nếu tự mình vi phạm mà dạy dỗ người khác thì trở thành điên đảo; Bồ-tát không có điên đảo, chắc chắn lời nói và việc làm phù hợp với nhau, cho nên có thể như thuyết giảng mà thực hành, mới có thể như thực hành mà thuyết giảng. Trong văn: Trước là tổng quát trình bày, sau từ “Bồ-tát...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Đoạn hai: Lại nữa, Nguyên đạt được pháp mở rộng thuyết giảng để làm lợi ích cho mình và người. Cũng thành tựu về làm bậc Điều Ngự Sư, chỉ rõ về đạo Nhất thiết trí ở văn trước. Văn phân làm ba mục: 1- Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; 2- Từ “Sở vị...” trở xuống là chính thức trình bày; 3- Từ “Thị vi...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong mục 2 có hai Nguyên:

Đầu là một Nguyên tổng quát trình bày về đạt được pháp, văn có bốn tiết: Một- Đạt được pháp; Hai- Giải thích thuyết giảng; Ba- Lợi ích cho căn cơ; Bốn- Từ “Tồi diệt...” trở xuống là thành tựu về đức của mình.

Sau là một Nguyên riêng biệt trình bày về diễn giảng giáo pháp, giải thích bốn tiết trước đây. Bản kinh thời Tấn khác với phần sau của

Luận, không có chữ Nguyễn Ngã. Văn phân làm năm: Một- Tổng quát trình bày. Hai- Từ “U nhất nhất...” trở xuống là trình bày về đạt được pháp. Ba- Từ “Hoạch vô sở úy...” trở xuống là có năng lực thuyết giảng. Bốn- Từ “Vi dục linh...” trở xuống là trình bày những việc đã làm vì căn cơ, đều có thể biết. Năm- Từ “Tác thị niệm ngôn...” trở xuống là tự mình tu tập thành tựu đức, tức là vì chúng sinh mà chịu khó tu tập. Tự thành tựu đức của mình là thành tựu mười loại đức: Hai loại đầu nói là khắp nơi, bởi vì khắp nơi Lý-Sự; tám loại còn lại nói là bình đẳng, là bao gồm bình đẳng vô ngại. Văn ấy phỏng theo tóm lược, trong đó nói về Trú, tức là Thánh-Thiên-Phạm...

Trong mục 3 là tổng quát kết luận, thành tựu về đức của mình nói trên, cũng là thâm nhiếp chúng sinh, cho nên trở lại nói rằng: Vì khiến cho chúng sinh thành tựu Nhất thiết trí.

Đoạn ba: Lại nữa, Nguyễn đạt được hành Tự lợi-Lợi tha tròn vẹn. Thành tựu về vãng mặt trời của Pháp tạng ở văn trước, bởi vì đạt được Trí-được thấy Phật... đều soi chiếu khắp nơi. Trong văn có hai: 1- Bao gồm Tự lợi-Lợi tha; 2- Từ “Hựu nguyện...” trở xuống là riêng biệt trình bày về Tự lợi-Lợi tha, tức là thành tựu về nghĩa của tâm ấy bình đẳng đối với các chúng sinh ở văn trước. Đầu là tự mình bình đẳng đối với Lý, sau từ “Như ngã sở đắc...” trở xuống là khiến cho chúng sinh bình đẳng với mình.

Đoạn bốn: Lại nữa, Nguyễn thực hành xứng với pháp giới. Thành tựu về tâm thanh tịnh không có cấu nhiễm và trí tuệ tự tại ở văn trước. Bởi vì thay đổi hợp với pháp giới, cho nên không có gì cấu nhiễm. Vì vậy cuối cùng nói: Vĩnh viễn không sai lầm làm hủy hoại các hạnh thanh tịnh.

Chương này phần nhiều giống như Pháp giới thuộc Lý, như Trí nhờ vào Lý phát khởi cho nên giống như Pháp giới. Còn lại đều dựa theo đây, tức là ý Hồi hướng Thật tế.

Đoạn năm: Lại nữa, có mười bốn Nguyễn, nguyện được thấy Phật, hiểu rõ về pháp. Thành tựu về Đại Trí của vị chủ buôn ở văn trước: Đầu là ba Nguyễn tự mình thành tựu về Trí tánh, là đức của vị chủ buôn; còn lại đều vì chúng sinh, là việc làm của vị chủ buôn.

Đoạn sáu: Lại nữa, Nguyễn hiểu rõ về pháp giới. Tức là Pháp giới thuộc Lý, lẽ nào dùng văn này mà gọi là Tùy tướng hay sao? Nhưng trong này nói là Như, bản kinh thời Tấn nói là Giải, Giải phù hợp với Lý cho nên gọi là Như, tức là thành tựu về an ổn trong Chánh đạo ở văn trước. Văn có mười câu: 1- Không tùy theo duyên thay đổi. 2- Không

giữ lấy tự tánh, bởi vì làm nguồn gốc của pháp. 3- Như cũng lại như vậy, bởi vì tự Thể của nó; trong bản kinh thời Tấn gọi là Như Như. 4- Không phải là chủ động dựa vào. 5- Không tạm thời lìa xa Như. 6- Tùy duyên vô tánh, tức là tánh của Như. 7- Vô tánh cũng không có, xưa nay vốn vắng lặng. 8- Không có hai tánh, bởi vì lìa xa chủ động và thụ động. 9- Không tùy theo ba đời. 10- Cùng một vị bình đẳng.

Đoạn bảy: Lại nữa, Nguyện cho chúng sinh thành tựu Pháp Sư. Tức là thành tựu mà làm người đứng đầu dẫn dắt ở văn trước, người đứng đầu dẫn dắt tức là Pháp Sư. Trước là vì người khác mà làm, nay là giúp cho người khác làm. Kinh Nhân Vương nói: “Mười ba vị Pháp Sư, sau khi Như Lai diệt độ, lưu truyền hóa độ không dứt, cũng gọi là Pháp Sư.” Như kinh Pháp Hoa-kinh Bồ Tát Tạng, đều có phẩm ấy. Nay ở đây phần nhiều dựa vào thù thắng nhất mà nói, trong đó có hai mươi phần vị Pháp Sư: Phần vị thứ 7 nói như mắt, là Hiện chứng mà không phải nghe-thấy; phần vị thứ 9 nói tướng của Vô tướng, bởi vì là Diệu tướng; phần vị thứ hai mươi chỉ có thuyết pháp mới có thể làm yên ổn cho thế gian.

Đoạn tám: Lại nữa, không giữ lấy đắm theo hồi hướng. Tức là Hồi hướng Thật tế. Đoạn này và đoạn chín là thành tựu về làm Thiện hữu kiên cố không thể hủy hoại ở văn trước. Một đoạn này trình bày về duyên kiên cố, văn hiển bày có thể biết.

Đoạn chín: Lìa xa lỗi lầm, thành tựu đức của hồi hướng: Trước là mười bảy câu về lìa xa lỗi lầm, tức là lìa xa duyên có thể hủy hoại; sau từ “Đản vi...” trở xuống là thành tựu về đức, trình bày về những việc đã làm, là làm Thiện hữu kiên cố không thể hủy hoại.

Mục trước: Mười lăm sự việc trước là hạnh bảo vệ phiền não, trong đó: Hai sự việc đầu là không đắm vào cảnh hiện tại: một sự việc tiếp là không cầu quả báo ở đời sau; còn lại bao gồm hai đời. Một sự việc sau là hạnh bảo vệ Tiểu thừa. Sự việc thứ mười sáu, nếu Tam-muội Giải thoát chỉ là nhân của Tiểu thừa, thì Tam-muội của các Thiên bao gồm nhân của sinh tử. Chưa đạt được mà không cầu, đã đạt được mà không đắm. Ai lại cầu tử? Đó gọi là cầu sinh thì sinh nhất định phải có tử, cầu hòa hợp thì trừ niềm vui của Niết-bàn ra đều vốn có hòa hợp, Sa-di cầu loài rồng là hồi hướng mà lòng dạ độc ác, nguyện làm Ma vương tức là hồi hướng mà hủy hoại điều thiện.

Mục sau là hiển bày thành tựu về đức, cũng là điều mong cầu. Văn dễ dàng hiểu rõ.

Phần b: Có bốn môn, tổng quát hiển bày về ý của Hồi hướng, bởi

vì phần đầu không nói: Lại dùng thiện căn... Chỉ nói: Lúc đem thiện căn ấy hồi hướng. Rõ ràng là lựa chọn riêng biệt. Bốn môn tức là bốn phần riêng biệt: Môn một trình bày thuận theo Hồi hướng Thật tế và Hồi hướng Chúng sinh, môn hai trình bày thuận theo Hồi hướng Bồ-đề, môn ba trình bày thuận theo lìa xa lỗi lầm, môn bốn trình bày có thành tựu lợi ích.

Môn một, phân làm hai: Đầu là trình bày thuận theo Hồi hướng Thật tế; sau từ “Hựu vi linh...” trở xuống là trình bày thuận theo Hồi hướng Chúng sinh.

Đầu là trình bày thuận theo Hồi hướng Thật tế: Bốn tánh tức là tánh Bất biến. Pháp tánh tức là tánh Tùy duyên. Chúng sinh là con người, tức là không có phần lượng. Vô tranh là pháp, Lý-Sự không trái nhau. Tự tánh thì khởi lên mà không có gì khởi lên. Các pháp thì bao gồm theo không gian (hoành) vốn là vắng lặng. Ba đời thì tiến vào theo thời gian (thụ) không có sai biệt. Bởi vì nhận biết pháp tánh làm duyên, thì sinh khởi chủng tánh Phật. Dựa vào Tánh-dựa vào Dụng, không có lúc nào lui sụt mất đi, soi chiếu Thật tế này là thiết lập về Hạnh của Thật Trí.

Sau là thuận theo Hồi hướng Chúng sinh, có hai mươi sự việc đã làm (Sở vi): Sự việc thứ 7 nói Thập Lực Luân, là bởi vì viên mãn về pháp võ làm cho khuất phục (Tồi phục). Sự việc thứ 14 nói tâm Bồ-đề Vô úy, là bởi không sợ gì sinh tử dài lâu, chúng sinh khó hóa độ, chuyển y khó chứng được, vạn hạnh khó tu tập, Bồ-đề rộng lớn xa xôi.

Môn hai thuận theo Hồi hướng Bồ-đề, có hai mươi hai Hồi hướng, ba Hồi hướng trước không có chữ Vi, là muốn làm thành hai mươi Hồi hướng, trong đó: Hai mươi Hồi hướng trước là trình bày về nhân quả viên mãn, hai Hồi hướng sau là trình bày về đạt được quả không rời bỏ nhân, mà tận cùng thời gian vị lai để hóa độ chúng sinh.

Môn ba trình bày thuận theo lìa xa lỗi lầm, có: Nêu lên-đưa ra và giải thích.

Môn bốn trình bày có thành tựu lợi ích. Hai môn này văn đều dễ dàng biết được.

Phần c: Có tám môn, lại dùng môn khác nhau để riêng biệt trình bày về Hồi hướng, tức là Hồi hướng thuộc Thắng tiến. Văn phân bốn mục riêng biệt: Một- Có hai môn về Hồi hướng Chúng sinh; Hai- Có ba môn về Hồi hướng Bồ-đề; Ba- Có hai môn tổng quát hiển bày về những việc đã làm; Bốn- Có một môn về Hồi hướng Thật tế.

Mục một, phân hai: Môn trước là Nguyện đạt được âm thanh viên

mãn; môn sau là tổng quát khiến cho đầy đủ các đức.

Môn trước: Bởi vì phần vị Pháp Sư, muốn khiến cho chúng sinh cùng đạt được âm thanh viên mãn mà thuyết giảng về pháp quan trọng. Có bốn mươi lăm loại âm thanh, tức là sáu mươi loại âm thanh trong kinh Mật Tích, nhưng số lượng không đầy đủ, thứ tự phần nhiều không giống nhau, tên gọi hoặc có khác nhau về chi tiết.

Trong kinh ấy: Một gọi là Cát Tường, so với Tịnh Diệu ở đây thì nghĩa giống nhau mà tên gọi khác nhau. Hai gọi là Nhu Nhuyễn, thứ tự cùng với tên gọi hoàn toàn giống nhau. Ba gọi là Khả Lạc, tức là thứ 5 ở đây. Bốn gọi là Duyệt Ý, tức là âm thanh Hoan Hỷ thứ 21 ở đây. Năm gọi là Thanh Tịnh, tức là thứ 6 ở đây. Sáu gọi là Ly Cấu, tức là Viên Ly Si Ế thứ 23 ở đây. Bảy gọi là Hiển Diệu, tức là âm Nhất Thiết Pháp Quang Minh Chiếu Diệu thứ 31 ở đây. Cho đến âm Tuyên Chư Đức thứ sáu mươi, tức là âm Năng Thuyết Bất Khả Thuyết Tự Cú Sai Biệt Trí Tạng thứ 29 ở đây.

Nhưng kinh ấy không có Thiên Cổ (Trống cõi trời), nay ở đây thiếu Sư Tử-Long Minh, Hảo Vũ-Hải Lôi Long Vương, Chân Đà La Kỳ Ai Loan, Ứng Sương-Hạc Minh... trong kinh ấy, bởi vì thuận theo Dụ mà nói, ở đây lược qua không bàn đến.

Vả lại, ở đây đã trình bày rõ ràng về đức rộng lớn, như kinh ấy chỉ nói là âm thanh tiến vào Chúng Hội ở khắp nơi, ở đây thì nói là rộng khắp cho đến vô lượng Chúng Hội-Đạo Tràng trong pháp giới... Pháp có nguồn gốc của pháp, không thể không biết; tên gọi ngôn ngữ không giống nhau, không cần phải hiểu biết toàn bộ.

Phần giữa nói Trí về âm thanh, ở trong tâm là Trí, nói ra gọi là Âm, đều cần phải đầy đủ cả hai phỏng theo tóm lược mà nói. Âm thanh thứ 8 nói là Bất Khả Thuyết Công Đức Trang Nghiêm, trong kinh Đại Bi Phân Đà Lợi nói: “Dùng công đức của chúng sinh trong ba ngàn thế giới làm một tụ, lại tăng lên gấp mười lần, không sánh bằng công đức nơi một mảy lông của Như Lai. Lần lượt chuyển tiếp cho đến Vô Kiến Đảnh, tất cả công đức trước đây hợp lại làm một tụ, lại tăng lên gấp trăm ngàn vạn ức Na-do-tha A-tăng-kỳ lần, không sánh bằng công đức một âm thanh, do Đại chủng mà phát ra âm thanh giữa ngực của Như Lai.” Kinh ấy dựa theo tổng quát mà nói, tức là ở đây riêng biệt trình bày.

Nhưng trong sáu mươi loại không ra ngoài, có hai: Một-Dựa theo đầy đủ đức như Nhu Nhuyễn...; hai-Dựa theo không có sai lầm, như không thấp kém... Bởi vì có bắt đầu từ không thấp kém, lại dùng thiện

căn này mà nói.

Nói tổng quát về Âm Thanh, Thanh là bốn Thanh làm chỗ dựa của Âm, Âm là năm Âm dựa theo năm hành riêng biệt. Thanh thuộc Mộc lấp chặt (Ung) đó là Âm Giác, Thanh thuộc Hỏa hừng hực (Xí) đó là Âm Chủ, Thanh thuộc Thổ rộng rãi (Khoan) đó là Âm Cung, Thanh thuộc Kim trong trẻo (Thanh) đó là Âm Thương, Thanh thuộc Thủy trầm đục (Trước) đó là Âm Vũ. Như nghĩa của một âm mở rộng ở văn sau.

Trong môn sau là tổng quát khiến chúng sinh đầy đủ các đức, có mười câu: Năm câu trước là quả đầy đủ, năm câu sau là nhân tròn vẹn.

Mục hai- Có ba môn về Hồi hướng Bồ-đề, phân làm ba: Một môn đầu nói về đạt được quả thuộc Chánh báo; một môn tiếp nói về nhân tròn vẹn của hai quả; một môn sau nói về quả thuộc Y báo đầy đủ.

Một môn đầu: Nhưng chúng sinh đạt được quả trước đây, có mười câu về phần ấy, đều thuận theo có nhiều, nay chỉ mở rộng một thân thứ nhất, thì còn lại có thể dựa theo chọn lấy.

Trong văn có ba tiết: Một-Trình bày về thân đạt được; Hai- Hiện bày về Dụng của thân; Ba- Tổng quát kết luận về đã thành tựu.

Trong tiết một: a- Tổng tướng; b- Từ “Sở vị...” trở xuống là Biệt tướng. Thân là Đồng tướng, còn lại là Dị tướng. Thành-Hoại có thể biết. Nhưng mười thân này bao gồm Pháp-bao gồm Trí:

1) Sáng ngời, bởi vì ánh sáng của Thân-ánh sáng của Trí, không có gì không soi chiếu.

2) Thể không có tối tăm chướng ngại, bởi vì có thể soi rõ thấu suốt.

3) Thể không tiếp nhận cấu nhiễm, như ngọc sáng ấy dù nhuộm bẩn mà không đen.

4) Đức thanh tịnh đầy đủ bên trong, như ngọc không có tỳ vết.

5) Luôn luôn thanh tịnh, lựa chọn khác với chủng loại thấp kém.

Ba loại trên dựa vào Thể để phân rõ. Ba loại tiếp đối với cảnh để trình bày.

6) Không bị bụi bặm làm bẩn, hướng về thanh tịnh nói trên.

7) Cực vi không dính vào được, hướng về vô cùng thanh tịnh.

8) Cấu uế không làm vấy bẩn, hướng về không nhiễm nói trên. Nếu dựa vào đức bên trong thì Phiền não chướng không còn, gọi là Ly trần; tập khí cũng hết sạch, gọi là Cực ly trần; không trú vào pháp đã nhận biết, gọi là Ly tâm cấu.

9) Đầy đủ tướng, đầy đủ đức.

10) Hình tượng đầy khắp pháp giới, Trí tuệ rộng khắp mười phương, núi-sông, sự-lý không thể nào chướng ngại được.

Tiết hai từ “Ư nhất thiết...” trở xuống là dựa vào thân mà khởi Dụng: 1- Bốn câu trước là Dụng của Sắc thân, ba câu đầu nói về một thân bày ra đầy khắp pháp giới, một câu sau nói về vạn tượng thu vào một thân. 2- Từ “Thị chư...” trở xuống có năm câu về Dụng của Trí thân. 3- Từ “Thị Bồ-tát hạnh nguyện...” trở xuống là bao gồm về Dụng của hai thân.

Tiết ba từ “Bồ-tát...” trở xuống là tổng quát kết luận về đã thành tựu.

Trong một môn tiếp là Nguyện về nhân tròn vẹn của hai quả, có hai: Một- Hạnh ngay nơi Lý dấy khởi Dụng; Hai- Từ “Nhập nhất thiết...” trở xuống là Hạnh ngay nơi Sự tiến vào sâu xa.

Tiết một: 1- Thành tựu về Hạnh, duyên vào thân tùy theo mà trú; 2- Từ “Chúng sinh kiến...” trở xuống là Lợi tha không trống rỗng; 3- Từ “Ư thiện tri thức...” trở xuống là bao gồm Tự lợi và Lợi tha.

Trong tiết hai là tiến vào sâu xa: Trí phù hợp gọi là tiến vào, Pháp giới vô biên là bao gồm Thân-Trí tiến vào.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 33 trong kinh).

Một môn sau là Nguyện thành tựu quả thuộc Y báo, văn phân làm hai: Một- Tổng quát trình bày; Hai- Từ “Kỳ nhất nhất...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Tiết một có mười câu: Câu đầu là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; chín câu sau là chính thức hiển bày về tướng của Nguyện: 1- Nguyện thanh tịnh; 2- Nguyện trang nghiêm; 3- Phần lượng rộng khắp; 4- Thuần thiện; 5- Không có chướng ngại; 6- Đầy đủ ánh sáng thanh tịnh; 7- Có Phật hiện rõ; 8- Dung thông thấu nhiếp; 9- Nêu ra một để ví dụ những điều khác, một quốc độ mở ra mức lượng giống như pháp giới, một quốc độ cuộn vào hiển hiện không sót lại gì; mở ra-cuộn vào không có gì ngăn ngại là một quốc độ Phật, như một quốc độ Phật, mỗi một quốc độ đều như vậy. Dựa theo Hoa Tạng trước đây, và người trang nghiêm sau này, mỗi một mảy trần hỷ còn như vậy, huống là mỗi một quốc độ hay sao?

Trong tiết hai là riêng biệt hiển bày, phân hai: Trước là hiển bày về sự trang nghiêm của vật báu; sau từ “Như bảo trang nghiêm...” trở xuống là tương tự hiển bày về sự trang nghiêm của những loại khác.

Tiết trước, phân ba: 1- Tổng quát nêu lên; 2- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày; 3- Từ “Thị vi Bồ-tát...” trở xuống là tổng

quát kết luận.

Trong tiết 2 lại có hai: a- Tổng quát hiển bày về sự trang nghiêm của vật báu; b- Từ “Phật tử...” trở xuống là riêng biệt trình bày về sự trang nghiêm của người quý báu.

Trong tiết a: Dùng số A-tăng-kỳ, chỉ có chín mươi bốn số, bởi vì bản kinh thời Tấn đều nói là Vô lượng A-tăng-kỳ. Đầu có nhiều sự việc, chỉ nói đến Vô lượng, bởi vì chữ A-tăng-kỳ, không phải là một số trong các số, mà chỉ là nói đến Vô số. Nếu xác định là số thì trở thành giới hạn.

Nay dựa vào trong chín mươi bốn sự việc: Trong cây quý báu có Vô lượng vật báu tuyệt diệu, dùng làm hoa-quả, là 1. Trong cung điện có Vô lượng Bồ-tát, là 2. Đoạn đầu hiển bày về phần sau của nhân, có Vô số kho tạng quý báu, là 3. Trong mỗi một chuỗi anh lạc, có trăm ngàn Bồ-tát trang nghiêm thượng diệu, là 4. Đoạn sau trong cảnh quý báu, có số chim không thể nghĩ bàn, là 5. Trong hoa quý báu, có Vô lượng Bồ-tát, là 6. Đây đủ số 100.

Trong văn phân hai: Một- Có mười tám sự việc sơ lược trình bày để nêu rõ về thù thắng, đầu là sơ lược trình bày, sau từ “Như thị nhất thiết...” trở xuống là nêu ra nhân để hiển bày về thù thắng. Hai- Từ “Phục hữu...” trở xuống có tám mươi hai sự việc mở rộng hiển bày, trong đó phân năm:

1) Có hai mươi bốn sự việc, chỉ dùng vật báu bên ngoài làm trang nghiêm, trong đó có nhiều sự việc cũng nêu lên dùng tên gọi của sự việc để giải thích về pháp môn, mà thuận theo số nhiều để phân định.

2) Từ “Phục hữu A-tăng-kỳ bảo quang minh...” trở xuống có mười lăm sự việc, nêu lên dùng tên gọi của sự việc để giải thích về pháp môn, muốn hiển bày ngay nơi sự việc mà thành tựu pháp môn.

3) Từ “Bảo tu tập...” trở xuống có ba sự việc, chỉ dựa theo pháp môn, hiển bày ngay nơi pháp đáng quý trọng, chứ không phải là chủ yếu nhờ vào sự việc.

4) Từ “Bảo tòa...” trở xuống có hai mươi hai sự việc, dựa theo vật báu của sự việc có thể thành tựu pháp môn; hoặc là hiển bày trong Y báo có Chánh báo, trình bày về sự trang nghiêm đan xen nhau.

5) Từ “Bảo chúng sinh...” trở xuống có mười tám sự việc, hiển bày về ba nghiệp-sáu căn ở trong thân, đều gọi là quý báu, bởi vì tất cả tròn vẹn sáng ngời đáng quý trọng.

Các sự việc trên đây, hoặc thuần nhất-hoặc xen tạp, hoặc Y báo-hoặc Chánh báo đều vô ngại, đều dùng pháp môn Sự-Sự vô ngại làm

nhân mà cảm đến. Nếu đem một nhân đều hưởng về một sự việc, như dùng Tịch-Nhẫn làm nhân mà cảm đến y phục quý báu..., thì e là quá nhiều cho nên không hiển bày. Quán sát tư duy về điều đó! Lại lấy một nhân thành tựu tất cả các quả, bốn câu phân biệt dung thông, nghĩa như bình thường giải thích.

Tiết b nói về sự trang nghiêm của người quý báu, kinh Pháp Hoa nói: “Quốc độ ấy vì sao gọi là Đại Bảo Trang Nghiêm? Bởi vì trong quốc độ ấy lấy Bồ-tát làm Đại Bảo.” Vì lẽ đó, triều đại Sở-Ngụy cũng không lấy vàng ngọc làm châu báu, mà lấy Hiền Thần làm vật báu. khắp nơi vì trần pháp giới có nhiều Bồ-tát, có thể gọi là Đại Tâm trang nghiêm quốc độ.

Tiết 3 kết luận thành tựu về sự trang nghiêm của vật báu, có thể biết.

Tiết sau là tương tự hiển bày về sự trang nghiêm của những loại khác, có mười một sự việc, mỗi một sự việc đều có một trăm sự việc nói trên. Cùng với một trăm sự việc trước đây thì có một ngàn hai trăm sự việc, là nói theo thứ tự cho đến vượt qua một trăm lần này. Nếu nói vượt qua sự việc trang nghiêm, thì không nên nói là đều như vật báu trang nghiêm. Nếu dựa theo bản kinh thời Tấn nói y phục-tán che-cờ phướn cho đến một trăm sự việc trang nghiêm, thì dùng Hương... làm một trăm, ba chữ Quá Thử Bội (vượt qua điều này gấp mấy lần) là do người dịch không khéo. Nếu tách biệt về Lý thông suốt, thì bởi vì vật báu trang nghiêm trước đây chỉ nêu ra một trăm sự việc, không phải là chỉ có một trăm. Thuận theo vượt qua một trăm lần thì $100 \times 100 = 10.000$, biểu thị cho vạn hạnh viên dung, thì nên quay lại vẫn nói là trang nghiêm vật báu Ma-ni đều như trang nghiêm vật báu, như vậy mở rộng mà nói, theo thứ tự cho đến vượt qua một trăm lần này, lý không có gì trái ngược.

Trong mục ba có hai môn về hồi hưởng những việc đã làm: Môn đầu là thuận theo vì Chúng sinh; môn sau là thuận theo vì Bồ-đề.

Môn đầu có hai mươi ba câu: Hai câu đầu, văn tuy ở môn đầu mà nghĩa bao gồm hai môn; câu 3 nói thành tựu chúng sinh là làm câu tổng quát, các câu sau đều là riêng biệt, bắt đầu từ Tín Tâm, cuối cùng thành tựu Chúng Trí, văn ấy đều rõ ràng.

Trong môn sau là thuận theo Hồi hưởng Bồ-đề, trình bày về Đại Dụng vô tận của nhân tròn vẹn-quả đầy đủ, văn cũng rõ ràng có thể biết.

Mục bốn là Hồi hưởng Thật tế, có hai mươi chín câu. Đầu nói về Pháp giới, là Pháp giới thuộc Lý-Sự vô ngại. Đầu nói về Trí, là Trí hợp

với Lý ngay nơi Sự mà không có gì trú vào, Trú tức là nghĩa của Nhập, bởi vì an trú. Pháp giới không hai, tức là nghĩa của bình đẳng. Đầu nói về Vô lượng trú, thì tất cả thiện căn đều là nơi trú vào; nay dùng Trú mà Vô trú, thì giống với Pháp giới vô lượng. Nơi khác đều dựa theo đây.

Phần 3 là Hồi hướng thành tựu lợi ích, vẫn có mười câu: Đầu nói là An trú, do Trí hợp với Lý trên đây mà có thể đạt được an ổn. Thân... tức là pháp thuộc về Sự sai biệt, nay thì bình đẳng thanh tịnh, bình đẳng thanh tịnh tức là Pháp giới vô tận. Pháp giới thanh tịnh tức là pháp đã đạt được. Trí có thể an trú hoàn toàn giống như Pháp giới. Do tám loại an trú mà thành tựu hai Dụng sau: Một- Một âm thanh đoạn trừ tất cả nghi ngờ của chúng sinh; Hai- Hướng lên trên trú vào đức của Phật. Đức của Phật tuy nhiều mà sơ lược đưa ra bốn loại, đó là mười Lực-bốn Vô úy-mười Tự tại-sáu Thần thông, gọi là đức rộng lớn. Hướng về Chủng Trí nói trên làm hai trang nghiêm của Phật, chính là pháp xuất ly.

Phần ba từ “Phật tử...” trở xuống là dựa vào giải thích để kết luận tên gọi.

Phần sau từ “Bồ-tát...” trở xuống là Quả thuộc phần vị, phân ba: Một- Nêu lên nhân đạt được; Hai- Từ “Thành mãn...” trở xuống là nêu ra pháp đã đạt được; Ba- Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận về tướng chủ động đạt được.

Trong phần hai sơ lược hiển bày về đầy đủ ba loại quả: 1- Đầy đủ lợi ích của nhân quả. 2- Từ “Ư niệm niệm...” trở xuống là đầy đủ tự tại được thấy Phật tự tại, đầu là tổng quát nêu lên, sau từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, đều dùng Thể-Dụng-Lý-Lượng nhưng không có gì chướng ngại, là đức tự tại của Phật. 3- Từ “Hựu đắc...” trở xuống là đầy đủ quả thanh tịnh, bởi vì phiền não chướng ngại không còn, cho nên thấy được tánh thanh tịnh, cũng trước là nêu lên, sau từ “Sở vị...” trở xuống là nêu ra, văn rõ ràng có thể biết.

Phần ba là kết luận về tướng chủ động đạt được, bình đẳng là bởi vì lìa xa chủ động-thụ động nhận biết, còn lại đều dễ dàng hiểu rõ. Phần trường hàng đã xong, văn kệ ở dưới.

Phần sáu: Từ “Nhĩ thời Phật thân lực...” trở xuống là phần Diễm lành ứng hiện, trong đó có hai: Trước là mặt đất rung động phát sinh niềm tin. Sau từ “Phật thân lực cố...” trở xuống là phát khởi cúng dường để biểu thị cho Hạnh, trong đó có ba: 1- Nhân phát khởi cúng dường; 2- Cúng dường thuộc sự bên ngoài; 3- Từ “A-tăng-kỳ...” trở xuống là cúng dường ba nghiệp thuộc sự bên trong.

Phần bảy: Từ “Như ư thử thế giới...” trở xuống là phần Kết luận

nổi thông với mười phương, bởi vì pháp này thuyết giảng ở tất cả các phương. Dựa theo các Hội trước thì hoặc là kết luận về phần Điềm lành ứng hiện, nay ở đây kết luận về phần Thuyết giảng, cho nên tách ra Chương riêng.

Phần tám: Từ “Nhĩ thời phục dĩ Phật thần lực...” trở xuống là phần Chứng minh thành tựu, nói về trăm vạn là bởi vì phần vị vượt qua trước đây.

Phần chín: Từ “Nhĩ thời Kim Cang...” trở xuống là phần Nói kệ ca ngợi khuyến khích tu tập, trong đó có hai: Trước là ý mở đầu; sau là chính thức nói kệ.

Phần sau là chính thức nói kệ cũng có hai: Một- Kệ trình bày về Hồi hướng thứ mười; Hai- Kệ ca ngợi thù thắng khuyến khích tu tập.

Trong phần một có ba mươi sáu kệ, phân ba: 1- Có chín kệ, tụng về phần thiện căn đã hồi hướng; 2- Có bảy kệ, tụng về phần Hạnh của hồi hướng; 3- Có hai mươi kệ, tụng về phần Quả thuộc phần vị.

Trong phần 2 phân ba: Đầu là hai kệ, tổng quát tụng về chín đoạn hồi hướng ở văn trước. Tiếp là một kệ, tụng về phần hồi hướng trang nghiêm quốc độ. Sau là bốn kệ, tụng về phần hồi hướng những việc đã làm trong đoạn thứ hai.

Trong phần 3 từ “Bồ-tát cụ túc...” trở xuống là tụng về phần Quả thuộc phần vị, có ba:

Đầu là một kệ, tụng về phần tự tại được thấy Phật, do chính mình tự tại mới được thấy Phật tự tại.

Tiếp là trong mười bảy kệ, tụng về phần đạt được thanh tịnh, Trí thanh tịnh trong một niệm tiến vào khắp nơi Đạo Tràng-Chúng Hội của tất cả chư Phật ba đời. Trước nói đến tám, là bởi vì chắc chắn thuộc về cúng dường, ở đây mở rộng hiển bày, đây là năng lực, không thể tụng về phần Nguyên thành tựu những việc đã làm trước đây.

Sau từ “Quá khứ...” trở xuống là hai kệ tổng quát kết luận về Hồi hướng thứ mười. Nhưng trước đây tạm thời dựa vào tướng thô mà phân biệt, Thể biện tài tùy ý vận dụng của Bồ-tát có xu thế bao gồm thấu nhiếp toàn bộ Tông chỉ không có gì sai khác, cho nên không luận bàn tỉ mỉ được.

Phần hai từ “Thử thị...” trở xuống là ca ngợi thù thắng khuyến khích tu tập nổi thông với Thập Hồi Hướng, trong đó có chín kệ phân hai:

Đầu là sáu kệ nêu ra con người dựa vào Hạnh để ca ngợi thù thắng, nghĩa là Hạnh mà Bồ-tát đã thực hành, pháp mà Như Lai đã

thuyết giảng, là những Hạnh về Tùy tướng thuộc Lục Độ, những Hạnh về Ly tướng thuộc Pháp giới, cho nên đều là siêu việt thù thắng.

Sau từ “Trí giả sở hữu...” trở xuống là ba kệ về kết luận ca ngợi khuyến khích tu tập.

Phần mười có hai kệ cuối cùng về phần So sánh công đức: Đức đã không có giới hạn, cho nên thích hợp tu hành. Nhưng ở đây hiển bày về đức, rất thù thắng-rất cao xa: Một- Bởi vì Giáo viên dung; Hai- Bởi vì dựa theo nguyện lực thù thắng. Vì vậy từ Đăng Địa trở lên, dựa vào phần vị sai biệt, cho nên mỗi phần vị kết luận rằng: Nếu dùng nguyện lực thù thắng thì lại vượt qua nơi này, không thể nào nhận biết số lượng, chớ cho rằng pháp này sâu xa mà nói là Địa yếu kém. Hội thứ năm, xong.

